

# TỪ NGỮ KINH THÁNH

## NĂM B

Lm. Phaolô Phạm Quốc Túy- Gp. Phú Cường

### THỢ GÓM

(CN 1 VỌNG B – Is 63,16 – 64,7)

“Chúng con là đất sét, còn thợ gốm là Ngài” (Is 64,7)

Tại đất Israel cổ, nghề nghiệp truyền từ cha sang con và các nghệ nhân của một nghề sống và làm việc trong những phố hay những khu vực rõ rệt. Các thợ gốm làm việc gần ở Giêrusalem, gần “công sành” (Gr 19,2). Người ta tìm thấy những làng thợ gốm cư ngụ và họ làm việc trong xưởng hoàng gia (1Sb 4,23). Vài dấu khắc trên các mảnh đồ gốm có lẽ là những dấu cho thấy đó là sản phẩm của các xưởng hoặc hiệp hội loại này. Nếu các bát đĩa thô kệch “do tay thợ gốm” (Ac 4,2). Ít có giá trị thì người ta lại đánh giá cao đồ gốm làm bằng bàn xoay hai bánh (Gr 18,3), với đất sét được nhồi kỹ (Is 41,25) tráng men (Hc 38,30) và nung nóng (27,5). Công việc của thợ gốm được mô tả trong (Gr 18,1-4 Hc 38,29t Kn 15,7).

Theo tường thuật cuộc sáng tạo (St 2,7), Thiên Chúa giống như thợ gốm lấy đất sét nặn thành hình người. Isaia dùng hình ảnh này để nói lên quyền hạn của Thiên Chúa đối với con người (Is 28,16 45,9). Giêrêmia khi nói về Giêrusalem cũng có ý nghĩ tương tự (Gr 19,10). Tác giả sách An Ủi lại so sánh Cyrô, sứ giả Thiên Chúa dùng, như thợ gốm đập đất sét dưới chân (Is 41,25).

Thời hồi hương, một môn đệ của tiên tri Isaia nói : “chúng con là đất sét, còn thợ gốm là Ngài, chính tay Ngài đã làm ra tất cả chúng con” (Is 64,7 x. 29,16 45,9 Gr 18,6 Rm 9,20t).

### THÀNH

(CN 2 VỌNG B – Is 40,1-5 . 9-11)

“Hãy ngọt ngào khuyên bảo Giêrusalem, và hô lên cho Thành : thời phục dịch của Thành đã mãn, tội của Thành đã đền xong ...” (Is 40,2)

Thành thị là một thực tại mà Thánh Kinh hoặc phê phán hoặc sử dụng để diễn tả mặc khải.

Israel ý thức rõ đời sống thành thị xuất hiện trước thời tổ phụ. Sách Sáng Thế ghi nhận rằng ông Cain thành lập thành thị đầu tiên và đặt tên là Hênoc (St 4,17). Sau nạn lụt người ta xây dựng những thành thị lớn ở vùng Mê-sô-pôtania (10,10t) và tổ tiên của ông Abraham sống ở vùng này (11,31). Nhưng các tổ phụ đã sống đời du mục gần các thành thị miền Canaan. Thì sống tại Ai Cập, chính

những người Israel đã góp tay xây dựng các thành thị xứ này (Xh 1,19) : Chỉ khi xuất khỏi Ai Cập, họ mới quen nông nghiệp và thành thị, nơi họ chiếm giữ và coi như ân huệ Chúa ban (Đnl 6,10t Gs 24,13) trừ vài nhóm phản đối sự băng hoại của văn minh (Gr 35,6-10 2V 10,15t).

Văn minh thành thị thực sự có giá trị nhất là Giêrusalem thành của Đavít (Tv 122,5) và thủ đô (Is 7,8) và của Vua Cao Cả (Tv 48,4 46,5), nơi mọi chi tộc họp nhau để thờ phượng Chúa và là dấu chỉ hợp nhất của toàn dân (Tv 122,3t), nhưng tội lỗi của Canaan đã dễ dàng phá hủy nền văn minh thành thị này (Am 3,9t ; 5,7-12 Is 1,11-23), như đa thần giáo đã hủy hoại Ninivê và Babylon. Các tiên tri báo trước số phận của các thành thị Israel cũng giống như số phận của thành thị trong thế giới ngoại giáo (Am 6,2 Mk 3,12) : như Sôđôma và Gômôra (St 19). Tuy nhiên thành Giêrusalem mới sẽ chiếm ưu thế (Is 54,60.62), là thành kiên cố của những người khiêm hạ (26,1-6).

Thời Chúa Giêsu, các thành thị Palestina hay trong đế quốc Rôma thường được nhắc đến : các thành thị ở Galilêa chề chối Chúa Giêsu, Athêna từ chối Tin Mừng (Cv 17,16), Côrintô đón nhận (18, 1-11) Êphêsô cởi mở và chống đối (1Cr 16,8t). Chính Chúa Giêsu chống lại các thành thị ven hồ (Mt 11,20-24) và Giêrusalem (Lc 19,41t 21,20-24 23,28-31) vì dân cư ở những nơi đó cứng lòng tin. Thời các tông đồ thủ đô Israel đã chịu sự luận phạt (Kh 11,2-8) và Giáo Hội chịu sự bách hại của đế quốc Rôma. Nhưng sách Khải Huyền loan báo sự sụp đổ của Babylon mới (17,1-8. 18; 19,2) trong khi Giêrusalem mới sẽ từ trời xuống để quy tụ mọi người được chọn (21). Ngay từ dưới thế họ đã tiến gần Giêrusalem mới (Dt 12,22) vì đã có quyền công dân ở đó (Pl 3,20) và thành đô trên trời là mẹ của họ (Gl 4,25t).

## GIOAN TÂY GIẢ

(CN 3 VỌNG B – Ga 1,6-8.19-28)

“Có một người được Thiên Chúa sai đến tên là Gioan” (Ga 1,6)

Gioan tiếng Hylạp là Ioannes, tiếng Do thái là Yôhànàn, có nghĩa là “Chúa ban ơn”. Trong Thánh Kinh có những người nổi tiếng mang tên này : Gioan, con Simon Macabêô (1Mcb 15,53 14,34), Gioan Tẩy Giả, con của tư tế Zacaria và bà Elisabeth (Lc 1,5), Gioan Tông đồ (Mt 10,2) Gioan, cha của Simon Phêrô (Ga 1,42 21,15-17) và Gioan con của Maria (Cv 12,12-25) là bà con với Barnabê (Cl 4,10) với tên khác là Marcô.

Gioan Tẩy Giả : Việc chào đời và sứ mệnh của ngài đã được loan báo một cách đặc biệt (Lc 1) theo một lược đồ đã có trong Cựu Ước (St 18 Tl 6,13 1Sam 1,3) và gợi lên hình ảnh của Êlia (Ml 3,1.23-24 Hc 18,10 Mt 17,12), cha của ngài đã đón nhận sự xuất hiện của ngài với lời ca “chúc tụng Benedictus” (Lc 1,68-79).

Sau thời gian sống ẩn dật “trong sa mạc” (Lc 1,80), ngài đến sông Giođan làm phép rửa cho dân chúng, loan báo một phép rửa thống hối (Mt 3,1-12), ngài loan báo Nước Trời đến theo cái nhìn cánh chung. Làm phép rửa cho Chúa Giêsu (Mt 3,16-17), Gioan chỉ rõ Chúa Giêsu là “Đấng sẽ làm phép rửa trong Thánh Thần và lửa” (Mt 3,11 Cv 1,5 11,6) và là “chiên Thiên Chúa” (Ga 1,29)

Bị Hêrôđê Antipas giam giữ (Lc 3,20), Gioan tìm hiểu sự thật về điều ngài loan báo (Mt 11,2-6) Chúa Giêsu ca ngợi Gioan (Lc 7,24-35). Hêrôđê đã cho chặt đầu ngài (Mt 14,1-12) có lẽ ở pháo đài của ông tại Macheronte.

Vào năm 54, người ta gặp tại Êphêso (Cv 18,35 19,3-4) các môn sinh của Gioan, những người mà ngài đã dạy cho biết cầu nguyện (Lc 11,1) và ăn chay (Mt 9,14). Gioan cũng đã đưa một số môn sinh đến với Chúa Giêsu (Ga 1,19-34 3,22-30). Apollô có lẽ thuộc nhóm môn sinh của Gioan.

Truyền thống Kitô giáo kính thánh Gioan Tẩy Giả như vị Tiền Hô của Chúa Giêsu. Chính Chúa Giêsu coi Gioan còn hơn là một tiên tri (Lc 7,26t). Là sứ giả đi trước Chúa (Lc 1,76 Mt 11,10t Mt 3,1), thánh nhân khai mào cho Tin Mừng (Cv 1,26 Mc 1,1-8). Trước ngài là giai đoạn của luật và các tiên tri, nhưng từ lúc đó thì Tin Mừng Nước Thiên Chúa được loan báo (Lc 16,16t), là tiên tri có một không hai (Mt 11,12t), thánh nhân dọn đường cho Chúa (Mt 3,3), là vị tiền hô (Cv 13,24t) và là chứng nhân của Chúa (Ga 1,6t)

### HÒM BIA THIÊN CHÚA (CN 4 MÙA VỌNG)

“Ông xem, tôi được ở nhà bằng gỗ bá hương, còn Hòm Bia Thiên Chúa thì ở trong lều vải” (2Sm 7,2)

Sự hiện diện của Thiên Chúa nơi dân Israel được biểu lộ bằng nhiều cách. Hòm Bia là dấu chỉ sự hiện diện này vì :

- Lời Chúa do chính tay Chúa khắc trên đá (Đnl 10,1-5) chứa trong hòm khổ 125 x 75 x 75cm
- “Nắp propitiatorium” (xá tội) khiến hòm thành bệ chân Chúa (Tv 132,7 1Sb 28,2).

Thời xuất hành, Thiên Chúa hành động cụ thể qua hòm bia. Chính Chúa dẫn dân tiến vào hoang địa (Ds 10,33) : có bài ca phụ họa khi di chuyển hòm bia (10,35 2Sm 6,2), hòm bia là ký hiệu của thánh chiến, chứng tỏ Thiên Chúa là “dũng sĩ” (Xh 15,3 Tv 24,28) góp phần thực hiện lời hứa khi qua sông Giordan, chiếm Giêricô, chống Philistim ở Silô, “Thiên Chúa các đạo binh” là thành ngữ có tương quan với hòm bia (1Sm 1,3. 4,4 2Sm 6,2). Hòm bia được đồng hóa với Thiên Chúa và mang tên Ngài (Ds 10,35 1Sm 4,7) là “vinh quang của Israel” (1Sm 4,22 Ac 2,1) là sức mạnh của Đấng uy quyền (Tv 132,8 78,61). Là sự hiện diện của Thiên Chúa, hòm bia đòi những ai đến gần phải sống thánh thiện (1Sm 6,19 2Sm 6,1-11). Dân không chỉ phối được Thiên Chúa, nhưng Ngài vẫn sinh ích cho họ (1Sm 4-6).

Lịch sử hòm bia đạt tới điểm son, khi được Đavít long trọng rước vào Giêrusalem (2Sm 6,13-19 Tv 24, 7-10) và Salomon đặt trong Đền thờ (1V8). Đó là nơi an nghỉ của hòm bia (Tv 132 2Sb 6,41t). Sau lời tiên tri của Nathan (2Sm 7) giao ước được chuyển qua nhà Đavít và Đền thờ sẽ thừa hưởng các đặc tính riêng của hòm bia.

Hòm bia là nơi xuất phát lời Thiên Chúa (Xh 31,18) cũng như việc Israel đáp lại lời Ngài (Đnl 31,26-27). Hòm Bia như nối dài cuộc gặp gỡ ở Sinai : muốn Ngài

phán dạy (Xh 25,22) hay cầu xin cho dân (Ds 14), Môsê vào lều trò chuyện thân mật với Thiên Chúa (Xh 33,7-11 34,34 Is 12,4-8) Amos trình bày giáo thuyết khi cầu nguyện trước hòm bia và Isaia nhận ơn gọi làm tiên tri cũng tại đó (Is 6). Samuael đến trước hòm bia Thiên Chúa và nghe lời Ngài (1Sm 3) cũng như để thính ý Ngài các tư tế (Đnl 31,9t), Anna (1Sm 1,9), Đavít (2Sm 7,18) đã đến trước hòm bia ... Người ta sẽ sùng mộ Đền thờ như kiểu sùng mộ hòm bia (1V 8,30 2V 19,14).

Sau năm 587, Giêrêmia kêu gọi không nên tiếc nuôi hòm bia đã mất, vì Giêrusalem mới sẽ là ngai tòa của Thiên Chúa (Gr 3,16-17) và luật được ghi trong lòng mọi người (31,31-34). Thiên Chúa sẽ hiện diện trong nhóm còn lại (Ed 9-11). Trong Tân Ước, hòm bia hoàn tất nơi Đức Kitô, lời Thiên Chúa ở giữa loài người (Ga 1,14 Cl 2,9), hoạt động vì phần rỗi của họ (1Tx 2,13), làm người hướng dẫn họ (Ga 8,12) và trở nên “propitiatorium” đích thực (Rm 3,25 1Ga 2,2 . 4,10)

## SION

(GIÁNG SINH - LỄ BAN NGÀY Is 52,7-10)

“ ... Nói với Sion rằng : Thiên Chúa ngự là Vua hiển trị” (Is 52,7)

Sion, tiếng Do thái là Saygôn, tiếng Hy Lạp là Sion, tên Canaan cổ của pháo đài Giêrusalem, xây trên đỉnh đá giữa Cédron và Tyropéon (2Sm 5,7) trải rộng khắp cả thành (2V 19,31). Sion đặc biệt được dùng để chỉ núi Đền thờ mà sự hiện diện của Thiên Chúa là nét đặc trưng cốt yếu của Thành thánh (Is 2,3 Am 1,2).

Nhiều lần chúng ta gặp kiểu nói “thiếu nữ Sion”, kiểu nói trước tiên dường như để chỉ một khu dân cư mới gồm những người bị lưu đày từ vương quốc phương bắc, thời Ezechias (Is 1,8). Sự phân biệt còn hiện rõ trong một bản văn như Xp 3,14-18, trong đó các câu 14-15 nói tới thiếu nữ Sion, thiếu nữ Giêrusalem, và Sion. Những sự phân biệt này sớm biến mất và thiếu nữ Sion trở thành nhân cách hóa để chỉ dân cư của toàn thành (Is 52,2 62,11 Dcr 9,9) Âm hưởng của Xp 3,14-18 và Dcr 9,9 trong tường thuật về việc truyền tin cho phép áp dụng danh hiệu “thiếu nữ Sion” vào Đức Maria.

Đối với Tân Ước, việc Chúa Giêsu tiến vào thành Giêrusalem thể hiện các lời tiên tri Is 62,11 và Dcr 9,9 Mt 21,5 Ga 12,15. Thánh Phaolô lấy lại lời tiên tri Is 28,16 về tảng đá chướng ngại ở Sion để giải thích sự cứng tin của Israel (Rm 9,33 1Pr 2,6) nhưng ngài cũng áp dụng lời Isaia loan báo về một vị cứu tinh sẽ đến từ Sion (Is 59,20-21) để biểu tỏ niềm hy vọng của mình vào ơn cứu độ của toàn thể nhà Israel (Rm 11,26). Trong Dt 12,22, Sion được đồng hóa với Giêrusalem trên trời “thành của Thiên Chúa hằng sống”. Khải Huyền (Kh 14,1) đặt trên núi Sion cuộc tập họp lớn của 144.000 bạn hữu của Con Chiên.

Truyền thống Kitô giáo những thế kỷ đầu đã áp dụng danh xưng Sion cho ngọn đồi phía đông nam Giêrusalem, nơi diễn ra bữa tiệc sau hết và như vậy cũng là nơi Hội Thánh sinh ra vào ngày lễ Ngũ Tuần. Đền thờ Đức Thánh Maria trên núi Sion được xây dựng tại đây vào thế kỷ thứ IV làm chứng điều đó. Các thánh vịnh nhắc đến Sion đã trở thành lời Kitô hữu ca ngợi Hội Thánh.

## NGƯỜI NỮ

(THÁNH MARIA ĐỨC MẸ CHÚA TRỜI - GI 4,4-7)

“Khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người phụ nữ”. (Gl 4,4)

Trong luật của Israel và của vùng Trung đông cổ, thân phận của người nữ là thứ yếu. Nhưng nhờ đức tin, Israel biết Thiên Chúa xác quyết sự bình đẳng của hai phái. Tuy nhiên, địa vị đích thực của người nữ được mặc khải đầy đủ khi Đức Kitô đến : tự nhiên, người nữ thành toàn khi làm vợ và làm mẹ, nhưng trong cuộc sáng tạo mới, họ có thể thành toàn nhờ sự đồng trình.

Nơi vườn địa đàng, loài người có nam có nữ (St 1,27) : phái tính là dữ kiện căn bản của bản tính nhân loại và người nữ có vai trò song đối với người nam. Người nữ là : “người trợ lực, một người ngang hàng” (2,18). Nhưng tội đã làm hư hỏng sự bình đẳng trong dị biệt này, khiến người nữ lệ thuộc vào chồng mình (3,16) nhưng sẽ thắng tên cám dỗ nhờ hậu duệ của mình (3,15).

Trong khi chờ đợi ngày được phúc, người nữ bị luật xếp vào hàng thứ yếu : được công khai biểu lộ niềm vui (Xh 15,20t Đnl 12,12 2Sm 6 Tl 21,21) nhưng không thi hành chức vụ tư tế, không buộc phải hành hương (Xh 23,7) không phải giữ nghiêm ngặt ngày sabbat (20,10). Người nam phải tôn trọng nhịp sống của người nữ (Lv 20,18) nhưng lại không phải tự buộc vào hôn nhân mà họ đòi người nữ phải trung thành.

Đọc theo lịch sử của Giao Ước một số phụ nữ góp phần quan trọng vào cả điều lành lẫn điều dữ. Những người nữ ngoại bang đã xoay lòng Salomon (1V 11,1-8), Giêrabel uy quyền trên cả tôn giáo và luân lý của chồng (1V 18,13 . 19,1t. 21, 25t) có những bậc anh thư như : Myriam (Xh 15,20t) Đêbra và Gia-en (Tl 4,4 – 5,31) Khunđa (2V 22,14-20) Anna (1Sm 2) Giuditha, Esther...

Chúa Giêsu xác nhận phẩm giá thật của người nữ khởi từ ngày truyền tin (Lc 1,26-38). Chúa đã muốn sinh ra từ người nữ (Gl 4,4). Đức Maria là Mẹ Đồng trình và tình mẫu tử thiêng liêng là kết quả của sự trinh khiết (Lc 11,20). Vì thế, ta hiểu tại sao Chúa Giêsu để cho các người nữ thánh thiện theo Người (Lc 8,11t) và dùng các trinh nữ trung tín làm thí dụ (Mt 25,1-13) hoặc giao sứ mệnh cho các bà (Ga 20,17). Giáo Hội sơ khai cũng nêu một số địa vị và vai trò mà một số người nữ nắm giữ (Cv 1,14. 9,36-41. 12,12. 16,19y). Trong trật tự mới không còn phân biệt phái tính (Gl 3,28 Mt 22,30). Đối diện với Chúa Kitô, người nữ là biểu tượng của Giáo Hội (Ep 5,22tt). “Người nữ đầu đội triều thiên” (Kh) sẽ sinh ra Đấng chiến thắng quỷ dữ, trước hết là Giáo Hội, Evà mới sinh ra thân thể Đức Kitô, sau đó truyền thống hiểu là chính Đức Maria và chúng ta coi người là biểu mẫu lý tưởng của người nữ.

## CHÚA HIÊN LINH (Is 60,1-6)

“Hãy đứng lên, hãy tỏa sáng ra, hỡi Giêrusalem” (Is 60,1)

Giêrusalem là “thành thánh” được người Do thái, các Kitô hữu và người Hồi giáo tôn kính vì nhiều lý do khác nhau. Đây là đô thị Urushalim của người Canaan. Truyền thống Kinh Thánh xem thành này là của Melkisêđê (St 14,18t) và

có lẽ đồng hóa với núi Moria, nơi Abraham dâng hy lễ (2Sb 3,1). Thời các thủ lĩnh Giêrusalem vẫn còn là một đô thị ngoại giáo (Tl 19,11t) mà người Do thái đã không chiếm được (Tl 1,21). Đavít cuối cùng đã lấy từ người Giêbnsô (1Sm 5,6tt) và gọi là “Thành đô Đavít” thủ đô chính trị và tôn giáo (1V 6-8).

Như một thành của tội lỗi và bội giáo, Giêrusalem bị đe dọa phải chịu cơn thịnh nộ của Chúa (Is 3,25-31 Gr 5,19 Am 5,2 ...). Nhưng là thành của Chúa, nó sẽ không bị hủy diệt bởi bất cứ kẻ thù nào (Is 10,1-34. 29,8. 31,4...) chỉ hình phạt của Chúa sẽ thanh tẩy nó. Được tái thiết trên đá góc (Is 28,16), nó sẽ là “Thành của đức công minh”, là “đô thị trung tín” (1,26) ngai tòa của một vương triều cai trị vương quốc phổ quát bao trùm mọi dân (2Sm 7,8-16 Is 1,26. 2,3. 9,7. 28,16 Ed 44,3. 45,7-12. 46,2 Mca 4,1-8 Dcr 9,9) Giêrusalem ngai Thiên Chúa (Ed 40,1-4 48,35) Giêrusalem mới sẽ được gọi là “Đức Chúa ngự ở đó” (Ed 48,35).

Các tác giả Tân Ước xác tín rằng: “sự giải thoát của Giêrusalem” (Lc 2,38) “thời Chúa viếng thăm” (19,44 và 1,68) đã xuất hiện với Chúa Giêsu. Chính tại Giêrusalem mà công trình cứu chuộc toàn thể nhân loại được hoàn thành (Mt 26,21. 20,17. Lc 9,31 13,33. 18,31). Có lúc, Thành đã nhìn nhận nơi Chúa Giêsu là vua bao đời mong đợi (Mt 21,1-11) nhưng nó vẫn phản loạn (Mt 22,1-14 23,37. Lc 13,34. 19,41t) rồi thải bỏ ngài. Hình phạt cho Thành được tiên báo trước (Mt 22,7 23,38 Mc 13,2 Lc 13,35.19,43. 21,6. 23,29-31) Vậy làm sao dung hòa những lời hứa rạng rỡ với thực tế tăm tối ?

a/ Việc tái thiết Giêrusalem : Giêrusalem là điểm xuất phát cuộc Kitô hóa thế giới (Lc 24,47 Cv 1,8). Ngày lễ Ngũ Tuần, Giáo Hội được thiết lập như lời hứa (Cv 1,42) Giêrusalem chối bỏ Đức Kitô nhưng Thiên Chúa vẫn trung thành (Rm 11,29) Giêrusalem sẽ nhìn nhận Chúa Giêsu (Mt 23,39) và sẽ được phục hồi (Lc 21,20-24 Rm 11,25-31).

b/ Giêrusalem trên trời sẽ thay thế Giêrusalem trần thế để thành nơi cư ngụ của các người công chính. Đó là chủ đề lớn của thư Do thái (!9,10-16. 12,22. 13,14). Thánh Phaolô dùng hình ảnh này để chứng tỏ Đức Kitô là ơn cứu độ cánh chung đã thành hiện thực thì Kh 21,2-22 lại dùng để chỉ vinh quang mai hậu và nước vĩnh viễn của Chúa.

c/ Chúa Giêsu là Giêrusalem mới : Thánh Gioan dùng phần lớn sách Phúc Âm cho sứ mệnh Chúa Giêsu tại Giêrusalem mà Đền Thờ (2,19) hồ Siloe (9,7) việc soi sáng Đền Thờ (8,12) là những biểu trưng về Chúa Giêsu, thấy nơi Người. Giêrusalem mới bắt đầu với sự sống lại (2,19-22). Trong Ga 7,37t có thể Chúa Giêsu tự đồng hóa với Giêrusalem cánh chung, sẽ vọt ra dòng nước sự sống (Ed 47,1-11. Gc 4,18 Dcr 14,8) và là nơi tụ tập con cái Chúa đã phân tán trở về (Ga 11,52 Is 60,4-9 ...)

## ƠN GỌI

(CN 2 TN B 1Sm 3,3b -10.19)

“Chúa đã gọi Samuel ... “ (1Sm 3,4)

Các tường thuật về ơn gọi trong Thánh Kinh rất ấn tượng như với Môsê (Xh 3) Samuel (1Sm 3) Isaia (Is 6) Giêrêmia (Gr 1) ... các tường thuật này đặc biệt như thế vì ơn gọi giữ một vị trí đặc biệt trong mặc khải của Thiên Chúa và trong chương trình cứu độ.

Trong Cựu Ước, khi Thiên Chúa kêu gọi ai, Ngài đều trao phó cho họ một sứ mệnh : Abraham (St 12,1) Môsê (Xh 3,10.16) Amos (Am 7,15) Isaia (6,9) Giêrêmia (Gr 1,7) Êzêkiel (Ed 3,1-4). Kèm theo và bổ túc cho sự tuyển chọn và sứ mệnh, ơn gọi còn là một lời mời gọi cá nhân vào một cuộc đảo lộn đời sống và cả nội tâm thành một người khác. Khía cạnh cá nhân này thường được diễn tả bằng việc Thiên Chúa kêu tên người Ngài gọi (St 15,1. 22,1 Xh 3,4 Gr 1,11 Am 7,8. 8,2), đôi khi Ngài đặt họ một tên mới (St 17,1. 32,29 Is 62,2). Và Thiên Chúa đợi chờ nơi họ sự ưng thuận có ý thức, lòng tin và sự tuân phục. Có thể đương sự ưng thuận ngay (St 12,4 Is 6,8) nhưng thường họ sợ hãi và cố lẩn tránh (Xh 4,10t Gr 1,6 . 20,7). Lý do vì ơn gọi tách rời người được gọi thành xa lạ với những kẻ thân thuộc (St 12,1 Is 8,11 Gr 12,6. 15,10, 16,1-9. 1V 19,4).

Lời mời gọi không được Thiên Chúa gửi tới tất cả những kẻ được Ngài chọn làm dụng cụ của Ngài, chẳng hạn các vua dù được xúc dầu, nhưng Samuel loan báo cho Saulê (1Sm 10,1) và cho Đavít (16,12) các tư tế cũng vậy, như Aaron nhận lời mời qua Môsê (Xh 28,1) và không thể sánh với chức tư tế của kẻ được Thiên Chúa trực tiếp mời gọi (Dt 5,5t)

Với dân Israel, giao ước là một lời mời gọi của Thiên Chúa nói với tâm hồn (Dnl 4,1 5,1 6,4 9,1 Tv 50,7 Is 1,10. 7,13 Gr 2,4 Hs 2,16. 4,1) dẫn vào cuộc sống có chính Thiên Chúa làm bảo chứng (Xh 19,4t Đnl 7,6) buộc họ nương tựa vào một mình Chúa (Is 7,4-9 Gr 2,11t) và mong một đáp trả, một cam kết của tâm hồn (Xh 19,8 Gs 24,24).

Tại bờ sông Giođan khi chịu phép rửa xong, Chúa Giêsu được phong vương (Mc 1,11). Ngài biết mình từ đâu đến và đi đâu (Ga 8,14). Ngài đưa lời mời gọi nhóm Mười Hai (Mc 3,13). Đối với những người khác, Ngài cũng mời gọi như vậy (Mc 10,21 Lc 9, 59-62). Cuộc rao giảng của Chúa Giêsu đều hàm chứa một lời mời gọi (Mt 16,2 Ga 7,17). Nếu như nhiều người được gọi nhưng ít kẻ được chọn, chỉ vì một số người vẫn giả điếc làm ngơ (Mt 22,1-14) làm Kitô hữu là một ơn gọi (Rm 1,1-7 1Cr 1,1t) ngay trong địa vị của mình (1Cr 7,24) theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần (Rm 8,16) và làm thành một thân thể duy nhất (1Cr 12,4-13).

GIÒNA  
(CN 3 TN B – Gn 3,1-5.10)

“Lời Chúa phán cùng Giôna .... : (Gn 3,1)

Giôna, tiếng Do Thái là Yônàh, “chim bồ câu”. Cuốn sách Giôna nói : “Giôna là con của Amittai” (Gn 1,1). Giôna thường được đồng hóa với vị tiên tri cũng là con của Amittai sống vào thời Giêrôbôam II (783-743) loan báo sự bành trướng của vương quốc phương Bắc (2V 14,25), quê quán ở Gat – Hépher thuộc miền đất Zabulon (Gs 19,13) nay là el Mesed, cách Nazareth 4km về phía đông bắc.

Sách Giôna kể truyện ông Giôna được Chúa sai đi rao giảng cho dân thánh Ninivê, nhưng ông lại đáp tàu đi Tarsi. Ra khơi rồi, sóng gió nổi lên và các thuyền nhân coi ông là nguyên nhân gây ra tai họa nên thả ông xuống biển. Con bão êm lại (Gn 1,1-16). Một con cá lớn nuốt ông vào bụng. Ba ngày sau ông được nhả vào bờ (2,1-10). Được gọi lần nữa, ông đến Ninivê loan báo tai họa sắp đến. Dân Ninivê hối cải và Chúa tha phạt dân thành (3,1-10). Ông Giôna bất mãn và Thiên Chúa giải thích cho ông về lòng nhân từ (4,1-11)

Tác giả của cuốn sách không rõ là ai, sống vào khoảng năm 450 hay vào thời điểm trễ hơn nữa sau này. Giới hạn muộn nhất về thời gian trước tác là khoảng năm 180, khi Ben Sira đưa ra danh sách 12 tiên tri (Hc 49,10)

Thực ra ông Giôna được xếp vào 12 tiên tri nhỏ, nhưng sách Giôna không thể xếp vào loại văn tiên tri đúng nghĩa. Bộ kinh điển Công Giáo xếp sách này vào loại “tiên tri nhỏ”, theo thứ tự của người Do thái, vì nhân vật chính là một tiên tri. Nhưng chính tác phẩm lại không phải là một tập sám ngôn.

Qua một số sự kiện trong tác phẩm, người ta cũng thể coi sách này thuộc loại lịch sử vì : có sự khác biệt giữa thời ông Giôna thi hành sứ vụ (thế kỷ thứ 7) và thời điểm của tác phẩm căn cứ theo lời văn (thế kỷ thứ 5). Các phép lạ dồn dập trong khoảng 50 câu văn (Gn 1). Những mô tả về tâm lý khó lý giải được : về tính khí của ông Giôna và về sự hối cải khá dễ dàng của dân Ninivê về tính chất văn học : các đề tài lấy lại của các tiên tri và thánh vịnh.

Đúng hơn, phải xếp sách Giôna vào loại sách Giáo Huấn theo nội dung của tác phẩm : Israel được gọi làm thừa sai cho các dân tộc, Thiên Chúa có toàn quyền rút lại các biện pháp trừng phạt vì Người muốn lương dân hối cải và ơn cứu độ của Thiên Chúa dành cho hết mọi người (Gn 4)

## HỘI ĐƯỜNG

(CN 4 TN B Mc 1,21-28)

“Chúa Giêsu vào giảng dạy trong hội đường” (Mc 1,21)

Hội đường, tiếng Hylạp là synagôgê, có nghĩa là cuộc hội họp, về sau chỉ nơi cộng đoàn hội họp để cầu nguyện và giáo huấn. Hội đường mọc lên như kết quả của việc tiêu hủy đền thờ Giêrusalem năm 587, và người Do thái bị phân tán (diaspura) khỏi Palestina nhằm bảo tồn sự hiệp nhất đức tin và thờ phượng (x. Tv 74,8). Không thể định rõ được thời điểm lần đầu hội đường xuất hiện, nhưng vào thời Tân Ước, hội đường đã được thiết lập và là một phần cốt yếu trong đời sống và việc phụng thờ của người Do thái. Nơi nào có người Do thái, tại các thành phố làng mạc ở Palestina hoặc ở nước ngoài, đều có hội đường. Ở Capharnaum, hội



đường do một lương dân xây tặng (Lc 7,15). Trong thành phố lớn có nhiều hội đường, chẳng hạn ở Giêrusalem có hội đường của những người được phóng thích (Cv 6,3)

Hội đường không phải là nơi Thiên Chúa ngự, nhưng là nhà hội họp để cầu nguyện và học luật. Vì thế, nếu có một tư tế có mặt, họ cũng chỉ như mọi người. Viên trưởng hội đường thường là niên trưởng, lo bảo vệ và giữ trật tự (Lc 8,41 Cv 18,8). Hội đường có một chút ít quyền xét xử và trừng phạt (Mt 10,7 23,34 Mc 13,9 Lc 21,12 Cv 9,2 . 22,19. 26,11). Không có viên chức chỉ định lo việc sinh hoạt mà chỉ có những người được mời, từ những thành viên hay những người khách.

Sinh hoạt tại hội đường diễn ra vào mỗi ngày thứ bảy (sabbat) và những ngày lễ. Khởi đầu là kinh Shema (Đnl 6,4tt), kinh tin kính của người Do thái. Tiếp theo là một kinh nguyện dài, do một người trong cộng đoàn đọc, thường ứng khẩu nhưng theo một hình thức đã định được ghi trong các thủ bản. Một đoạn sách luật được đọc lên, và được phiên dịch sang tiếng bản xứ, rồi một bài thuyết giải dựa trên đoạn văn vừa đọc, do một thành viên trong nhóm hội tự phát (Cv 15,21). Việc đọc sách các tiên tri sớm được thêm ngay sau việc đọc sách luật (Lc 4,17). Nếu có các tư tế hiện diện sự việc kết thúc với việc đọc lời chúc lành của tư tế (Ds 6,24-26). Sự việc dần dần mở rộng bằng việc thêm vào các kinh nguyện khác hay việc hát các thánh vịnh. Sách Ngũ thư được phân phối thành chu kỳ 3 năm.

Hội đường có tầm quan trọng chủ yếu trong những khởi đầu và phát triển Kitô giáo. Chúa Giêsu thường đến hội đường giảng dạy (Mt 4,23. 9,25. 12,9 Mc 1,39. 3,1. Lc 4,15. 6,6. 13,10 Ga 18,20). Tiến trình sinh hoạt tại hội đường là dịp để Ngài loan báo Tin Mừng, chẳng hạn tại Nazareth (Lc 4,16-20) hay Capharnaum (Mt 1,21t Ga 6,59). Thánh Phaolô bắt đầu việc rao giảng tại hội đường Đamas (Cv 9,20). Đến đâu, trước hết thánh nhân vào giảng tại hội đường : tại Salamis miền Cyprô (Cv 13,5) Antiokia (Cv 13,14) Iconia (Cv 14,1) Thessalonica (Cv 17,1) Corintô (Cv18,4) và Êphêsô (19,8).

Việc thờ phượng của cộng đoàn Kitô giáo chuyển từ ngày Sabbat sang ngày hôm sau Chúa Nhật và được tổ chức như sinh hoạt tại hội đường và thêm vào bữa tiệc huynh đệ (agape) và thánh thể. Đó là nghi thức thánh lễ.

## JOB

(CN 5 TN B – G. 7, 1-4.6-7)

“Bấy giờ ông Job lên tiếng nói.” (G 7,1)

Job (tiếng Do thái iyyôt) là người hùng của cuốn sách mang tên ông. Lời mở đầu sách nói ông là một vĩ nhân, ở đất Út (G 7,1) thuộc lãnh thổ xứ Êđom (St 26,28 Ac 4,11). Ông hẳn đã là một thủ lãnh dân du mục nên mới có tài sản kèch sù (G 1,3. x. St 26,14) Ông cũng là một người đông con (G1,2), dấu hiệu của người công chính (Tv 127, 3-5 128, 3). Lời mở đầu sách Job quả quyết điều đó (G 2,1) và sau này, người ta nhắc đến ông như một vị anh hùng (Ed 14, 16-20) hay như

một mẫu gương của sự công chính (Hc 49,9 và Ed 14, 14-26) nhất là về tính nhẫn nại trước nghịch cảnh (Gc 5,11)

Ông Job như vậy là một người con của “các con cái Đông phương” không phải là con cái Israel nên sách Thánh không ghi lại gia phả của ông. Đưa ông ra như người hùng của tác phẩm, tác giả hẳn đã muốn cho những ý tưởng riêng của mình có chiều kích phổ quát.

Cuốn sách mang tên Job được viết dưới hai thể văn : văn xuôi (G 1,1-2,13 42,7-17) và văn vần (3,1-42,6). Phần văn xuôi có thể là một câu chuyện bình dân tác giả dùng làm phần đầu và phần kết, để chèn vào giữa những vần thơ đối đáp của ba người bạn Eliphaz, Baldad và Sophar với Job (3,1- 321,40). Cuộc đối thoại còn được mở rộng với một nhân vật nữa là Êliu (32-37). Ngoài ra tác phẩm còn có những bài thơ ca tụng đức khôn ngoan (28) những lời phán dạy của Thiên Chúa (38, 1-41,26) và câu trả lời cuối cùng của Job (42,1-6).

Xét nội dung tác phẩm, tác giả không thể là một người. Ông Job được mô tả là một thủ lãnh dân du mục, nhưng tác giả sáng tác lời thoại của ông, phải là người Giuđa biết rõ sách Thánh, phong tục và bối cảnh xứ Palestina ... Thời gian biên soạn có lẽ nằm vào khoảng giữa thế kỷ 6 và 4 trước công nguyên.

Thời sách Job xuất hiện, quan niệm thưởng phạt cá nhân ở đời sau chưa được rõ rệt đối với dân Israel. Người ta vẫn quan niệm “ở hiền gặp lành” và sách Thánh nói nhiều đến việc thưởng phạt (Xh 23,20 Lv 26 Đnl 28 Tv1,37.49.73 Is 58,6-14 Gr 7,5-7.12,14-17. 17,5-8 Ed 18). Nhưng qua Job, tác giả đưa ra vấn nạn : tại sao người công chính lại phải khổ ? Các bạn ông cho rằng Thiên Chúa công minh còn ông là kẻ tội lỗi nên bị phạt. Job kịch liệt chống lại. Êliu cho rằng Thiên Chúa muốn chữa tính kiêu căng (33, 15-24). Job dù vẫn tin nhận quyền năng Chúa (9,5-13. 12,7-12. 12,13-25. 23,13-17. 27,7-10) vẫn sứt son với Chúa (1,21. 2,10) nhưng như muốn chống lại án phạt của Chúa ... Cuối cùng ông thống hối (42,5-6) và kết quả rất có hậu : Thiên Chúa phục hồi tất cả cho ông. Sách Job chưa đi xa hơn được nữa. Phải đợi Đức Kitô, Người sẽ dạy rõ hơn mâu nhiệm của đau khổ, khi Người chấp nhận Thánh Giá vì tình yêu.

## PHONG CÙI

(CN 6 TN B – Mc 1,40-43)

“Khi ấy, có một người mắc bệnh phong đến gặp Chúa Giêsu” (Mc 1,40)

Từ phong cùi trong tiếng Do thái chỉ các khuyết tật trên da. Người ta còn bao gồm cả các dấu vết trên quần áo và vết mốc trên tường (Lv 13,47-59 14,53) Việc xác nhận bệnh phong cùi thuộc quyền tư tế (Lv 13,2-3.9-10.19-20) việc chữa lành cũng phải được tư tế xác nhận (Lv 14,3 Lc 17,14) và phải dâng hy tế giống như hy tế đền tội. Nghi thức có gốc pháp thuật cải biến lại (Lv 14,47)

Phong cùi là nhơ bần và hình phạt của Thiên Chúa, nên phải dâng của lễ để chuộc tội. Phong cùi là tai họa Chúa dùng để phạt kẻ tội lỗi. Israel bị đe dọa về tai họa này (Đnl 28,27-35) dân Ai Cập (Xh 9,9tt) cũng như Myriam (Ds 12,10-15) và Ozias (2Sbn 26,19-23) bị Thiên Chúa trừng phạt. Như thế trên nguyên tắc, phong cùi là dấu chỉ của tội lỗi. Nhưng người Tội Tớ đau khổ bị Chúa phạt đến độ bị

tránh xa như người bị phong cùi, là vì Người gánh lấy tội lỗi loài người, để nhờ các thương tích của Người, họ được chữa lành (Is 53,3-12 Tv 73,14)

Sự lành bệnh của người phong cùi có thể do phép lạ như trường hợp của Naaman (2V5) hay người được Chúa Giêsu chữa lành (Mt 8,1-4 Lc 17,11-19). Thực hiện phép lạ này, Chúa Giêsu tự mang lấy các bệnh tật của họ (Mt 8,17), đưa họ tái nhập vào cộng đoàn, và chứng tỏ Người thật là Đấng Cứu Thế (Mt 11,5)

AMEN

(CN 7 TN B – 2Cr 1,18-22)

“Vì thế, nhờ Người mà chúng tôi hô lên lời “Amen” tôn vinh Thiên Chúa” (2Cr 1,20)

Amen, tiếng Do thái là `amen, chuyển sang tiếng Hi Lạp là àmen (bản 70 là genoito)

Trong Cựu Ước, tiếng Do thái Amen có nghĩa là “đúng như vậy” hay “ước được như vậy” (Gr 11,5) hay “chắc chắn”, “đúng thật” (Gr 28,6). Amen được dùng :

- để củng cố một đòi buộc người ta đón nhận (1V 1,36 Gr 11,5) hay để chấp nhận một lời chúc dữ hoặc một hình phạt trong trường hợp không hoàn thành (Ds 5,22 Đnl 27,15-26 Nkm 5,13)
- như một công thức ghi dấu sự đồng ý với một lời khấn ước (Gr 8,26). Nó thường được dùng theo nghĩa này để kết lời tụng ca hay một lời kinh nguyện (1Sb 16,36) kết thúc phần I và phần IV thánh vịnh (Tv 40 và 106). Kết thúc theo nghĩa này thường trở lại trong phụng vụ của hội đường.

Trong Tân Ước, Amen là một lời tụng hô trong phụng vụ Kitô giáo (1Cr 14,16) và trên trời (Kh 5,14). Các kinh nguyện và tụng ca Kitô giáo thường kết thúc bằng tiếng Amen (Rm 1,25. 9,5. 1Tm 1,17 Dt 13,21 1Pr 4,11.5,11 Gđđ 24), không phải để củng cố một sự thật mà để xin Chúa thực hiện lời hứa. Một mình Chúa Giêsu đưa lời Amen và các tuyên cáo (khoảng 75 lần) trong khi gán cho từ này một ý nghĩa mới. Một đảng, Ngài muốn bào đảm chân lý của Lời Ngài nói. Đảng khác, Ngài theo diễn tiến lối giảng dạy của các thầy rabbi, nhằm nhấn mạnh điều vừa nói hay điều sắp xảy ra để lôi kéo sự chú ý của thánh giả. Trong những kiểu nói này, người ta có thể thấy đó là chính những lời Chúa nói (ipsissima verba) và các tác giả tin mừng đã đón nhận những lời ấy đúng như truyền thống, không dám đụng chạm tới (Mt 5,18-26. 6,2-5. 16 Mc 3,28 8,12 v.v...)

Thiên Chúa tự do cam kết và luôn trung thành với lời hứa nên Ngài là Thiên Chúa –Amen (Is 65,16).

Lời Amen của Thiên Chúa là chính Đức Giêsu Kitô. Nơi Ngài không phải vừa có lại vừa không, nhưng chỉ có mà thôi (2Cr 1,19t). Trong bản văn này, thánh Phaolô chuyển từ Do thái Amen sang tiếng Hi Lạp bằng từ (Nai) có nghĩa là có. Chúa Giêsu không những nói thật, mà còn là chính lời Thiên Chúa, là Amen tuyệt vời, là chứng nhân trung thành và chân thật (Kh 3,14). Đáp lại lời Chúa, các Kitô hữu kết hợp với Đức Kitô với các thánh trên trời xưng lên lời Amen (Kh 7,12).

Lời cầu chúc kết thúc cuốn sách Thánh là tiếng Amen nguyện chúc ân sủng của Chúa Giêsu ở với tất cả mọi người (Kh 22,21)

### CHÀNG RÊ / TÂN LANG / CHỒNG

(CN 8 TN B – Mc 2,18-22)

“Tân Lang còn ở với họ” (Mc 2,19)

“chồng” là một trong những danh xưng Thiên Chúa dùng (Is 54,5) để diễn tả tình yêu của Ngài đối với thọ tạo. Không chỉ mạc khải tên của mình (Kh 3,14t), Ngài còn biểu lộ mối tương quan với dân riêng, bằng những danh hiệu khác rút từ kinh nghiệm đời sống thường nhật : Ngài là chủ chăn, là cha và là chồng.

Đây không phải là huyền thoại, nhưng trong tôn giáo Canaan, người ta tin rằng thần Baal là Thần - Chồng làm cho đất phì nhiêu (Hs 2,18 Tl 2,11t). Thiên Chúa kết án việc sùng bái này (Xh 34, 15t Is 1,21). Thiên Chúa Israel không phải là chồng của đất đai, nhưng là của dân Ngài với một lịch sử của lòng nhân từ Chúa đối với dân bất trung và tình yêu Chúa đã thắng. Các tiên tri lấy tình yêu này làm đề tài, bắt đầu là Hôsê.

Tiên tri Hôsê đã có một kinh nghiệm hôn nhân của riêng mình (Hs 1-3). Nhờ kinh nghiệm này, ông khám phá ra tình yêu của Thiên Chúa trước sự bội phản của Israel đối với giao ước, một giao ước mặc lấy một đặc tính hôn nhân. Tình yêu sẽ thắng, nhưng Israel sẽ phải thử thách (2,16t), cuộc đính hôn mới chuẩn bị cho tiệc cưới sẽ hoàn tất trong công chính và thân ái, dân tộc được tinh luyện sẽ nhận biết và trung thành với chồng (2,20t).

Thừa tự tinh thần của tiên tri Hôsê, tiên tri Giêrêmia lấy lại biểu tượng hôn nhân để chống lại sự phản bội và sa đọa của Israel (Gr 2,20) trước tình yêu vĩnh cửu của Thiên Chúa (Gr 2,2), nhưng Chúa vẫn kiên trì lôi kéo trở lại (31,3). Táo bạo hơn, Êdêkiel mô tả Giêrusalem như cô gái bị bỏ rơi được một người cứu sống, nuôi nấng và cưới làm vợ, nàng lại làm nghề mãi dâm ... chính chàng sẽ nối lại giao ước (Ed 16,1-63). Sau cùng, sách An Ủi đã cho biết Giêrusalem được yêu thương thế nào (Is 54, 4-8) và tình yêu của người chồng sẽ chiến thắng, cải hóa người vợ nên một hiền thê trong trắng (61, 10. 62,4t)

Sang Tân Ước, sách Khải Huyền không gọi Giêrusalem là vợ của Thiên Chúa nữa, nhưng là hiền thê của Con Chiên (Kh 21,9). Đức Kitô, khôn ngoan của Thiên Chúa (1Cr 1,20) vui sướng ở giữa loài người (Cn 8,22t.31) đã thánh hóa người vợ và Người là đầu (Ep 5,23-27) bằng giao ước mới được đóng ấn bằng máu Người (1Cr 11,25). Khác với Babylon thờ ngẫu tượng (Xh 17,1-7. Is 47), hiền thê của Con Chiên là hình bóng thành đô khả ái (Kh 20,9) của Giêrusalem từ trời xuống vì do chồng mình mà sống thánh thiện (21,2-9t). Người nữ này là mẹ của con cái Thiên Chúa (12,1t.11-17). Họ được thánh hóa nhờ ân sủng Đức Kitô (Tt 35t) và trở nên trinh khiết xứng đáng với Đức Kitô vị hôn phu của họ (2Cr 11,2) và kết hợp mãi với Con Chiên (Kh 14,4)

### HỒNG THỦY/ LỤT

(CN 1 CHAY B – St 9,8-15)

“Mọi xác phàm sẽ không còn bị nước hồng thủy hủy diệt” (St 9,11)

Sự tích về trận lụt hồng thủy mà St 6,1- 9,17 kể lại là một tổng hợp của hai trình thuật Javiste và tư tế. Bản văn này thuộc nhóm trình thuật về “khởi nguyên”, không dùng loại văn lịch sử nhưng mang sắc thái thi vị. Văn hóa Babylon có nói đến một trận “lụt” và có một gia đình thoát nạn trên một chiếc “tàu”. Đặc biệt trong số này có bản “hùng ca Gol-ga-mesh” người ta còn giữ được bằng tiếng Sumêri và hai bản hiệu đính bằng tiếng Akkad.

Có điểm tương đồng rõ rệt giữa bản văn Thánh Kinh và bản văn cổ văn học Babylon : quyết định hủy diệt loài người, báo cho một người đóng tàu rồi đem các thú vật vào, thả chim thăm dò khi nước cạn, dâng lễ tạ ơn và Thiên Chúa chúc lành. Điểm khác biệt trong Thánh Kinh là Thiên Chúa duy nhất đóng vai các thần Babylon và lụt hồng thủy không phải do ghen tuông của Thiên Chúa mà chỉ vì Ngài “phán xét” nhân loại tội lỗi.

Điều quan trọng là xác định sứ điệp tôn giáo các tác giả Thánh Kinh muốn đưa ra qua các tường thuật mà các ngài thích ứng và biến đổi dưới ánh sáng đức tin đặt vào Thiên Chúa. Lý do gây nên lụt hồng thủy, không phải do ý độc đoán của Thiên Chúa, mà vì tội lỗi của loài người. Thiên Chúa phạt nhân loại tội lỗi, và cứu ông Noe, người công chính. Như vậy, Thiên Chúa không chấp nhận tội lỗi và hủy diệt thế giới tội đồ, nhưng vẫn không bỏ ý định cứu độ khi cứu thoát ông Noe. Qua ông Noe, toàn thể cuộc tạo dựng vang dội lời hứa ban ân sủng : “sẽ không còn hồng thủy nữa” (St 9,11 Is 54,9-11 Hc 44,17-18). Sự kiên định trong luật tự nhiên (St 8, 22) và cây cung (cầu vòng) (9,8-17) là dấu chỉ lòng nhẫn nại của Thiên Chúa (Rm 3,25-26) là dấu chỉ ý định Thiên Chúa luôn muốn cứu độ, bất chấp tội lỗi của loài người.

Tân Ước ít nhắc tới lụt lội như trong Cựu Ước. Lụt lội là sự phán xét thế giới tội lỗi (2Pr 2,5), xảy ra bất chợt như “ngày của Con Người” sẽ đến (Mt 24,37-38 Lc 17,25-27). Chỉ có đoạn văn 1Pr 3,20-21 xem ra khơi dậy lụt hồng thủy. Nhưng đoạn văn duy nhất và khó hiểu này không coi nước hồng thủy làm khuôn mẫu cho nước của phép rửa và cho cuộc phán xét. “nước là hình bóng phép rửa nay cứu thoát anh em” không phải là nước hồng thủy, nhưng là cuộc vượt qua bởi nước, nhờ cây cung (cầu vòng) nước mang lại (1Pr 3,20 St 7,17)

## LÈU

(CN 2 CHAY B – Mc 9,2-10)

“chúng tôi xin làm ba lều ...” (Mc 9,5)

Bàng hoàng khi được loan báo về cuộc khổ nạn sắp tới (Mc 8,31-33) cũng bàng hoàng không kém khi sáu ngày sau được chứng kiến Chúa Giêsu vinh hiển giữa Êlia và Môsê (9,2-10), ông Phêrô đã phát biểu : “Thưa Thầy, chúng con được ở đây thật là hay, chúng con xin dựng ba cái lều, một cho thầy, một cho ông Môsê, và một cho ông Êlia” (9,5). Nói đến lều, hẳn là ông Phêrô đã nghĩ tới lều thánh dùng trong việc thờ phượng của Israel xưa : sách xuất hành (25-31) đưa ra bản vẽ và những dụng cụ trang trí, còn Xh 35-40 kể loại việc thực hiện với những biến đổi từ chính những từ ngữ luật pháp sang lối văn kể truyện.

Lều, trong tiếng Do thái có hai tên là miskam chỉ nơi ở, có nghĩa là nơi Thiên Chúa ngự giữa dân Ngài và ôhel mò'èd là "lều hội ngộ" hoặc "trướng tao phùng", rất đặc trưng của người Do thái. Cuộc "hội ngộ, tao phùng" không có nghĩa là cuộc họp, người ta nhóm lại để thờ phượng, nhưng là cuộc gặp gỡ của Thiên Chúa với dân Israel qua Môsê. Lều là nơi của mặc khải.

Theo nguồn Javiste, một "lều hội ngộ" đặt ở ngoài lều trại được ông Josuê canh giữ và ông Môsê đến để lãnh nhận mặc khải thần linh (Xh 33,7-11) lều là nơi mặc khải, lại xuất hiện trong sách Dân số (11,24t 12,4-10 14,10).

Truyền thống Tư tế đặt "lều hội ngộ" tại Silô (Gs 18,1 19,51) và sách 1Sm 2,22 củng cố truyền thống này. Khi vua Đavít mang Hòm Bia về Giêrusalem ông đã cho dựng lều để đặt Hòm Bia (2Sm 6,17). Lều tạm này mâu thuẫn với toàn bộ câu truyện về lời sấm của tiên tri Nathan, theo đó, lều là nơi bình thường và truyền thống đặt Hòm Bia (2Sm 7,6). Dự tính xây đền thờ của vua Đavít là điều mới mẻ đối với Hòm Bia. Lều còn tồn tại vào buổi đầu thời Salomon cai trị, và ông Joab đã trốn vào đó (1V 2,28t). Khi đền thờ vua Salomon xây dựng xong, Hòm Bia được chuyển từ "lều" vào đền thờ (1V 8,4)

Theo sách Xuất hành (25,9) "lều hội ngộ" được dựng theo khuôn mẫu thiên đàng được chỉ vẽ cho Môsê từ trên núi. Điều này diễn tả ý niệm thông dụng của miền Cận Đông xưa cho rằng Đền thờ dưới thế mô phỏng đền thờ trên trời là nơi thần linh ngự. Trong Tân Ước có nhiều hình ảnh ám chỉ "lều" Chúa Giêsu là tư tế của lều hội ngộ đích thực trên trời (Dt 8,2-5). Lều hội ngộ của các kitô hữu vĩ đại và hoàn hảo hơn vì không phải do tay người phàm làm ra (Dt 9,11t). "Lều hội ngộ" trên trời xuất hiện trong sách Khải huyền (15,5) và Giêrusalem mới trên trời là lều hội ngộ Thiên Chúa ở với loài người (21,3)

#### NÚI SINAI

(CN 3 CHAY B – Xh 20,1-17)

"Ngày ấy, trên núi Sinai, Thiên Chúa phán ... " (Xh 20,1)

Núi Sinai là ngọn núi được bao bọc bởi sa mạc mang tên Sinai. Trong Thánh Kinh, Sinai là chặng thứ năm sau khi dân Chúa vượt qua Biển Đỏ theo sách Xuất hành (19,1-2) hay là chặng thứ tám theo sách Dân số (33,15-16). Ngữ nguyên của danh xưng này còn mù mờ.

Theo hiện trạng nghiên cứu về Thánh Kinh, núi Sinai được đồng hóa với núi Horeb, nhưng ở đây, chúng ta chỉ nhìn đến những giai thoại mà tên riêng này nhắc nhớ : núi Sianai là nơi diễn ra những cuộc thần hiện của mặc khải thập giới, của giao ước, của chổi bỏ, vì thờ kính bò vàng và của sự tái lập giao ước cuối cùng. Đây là ngọn núi nơi Thiên Chúa gọi Môsê và các cuộc đối thoại ngày càng thân thiết hơn để cuối cùng mặc khải lòng nhân hậu của Người. Nơi đây liên tục đón nhận các luật giao ước (Xh 20,22-23. 33 34, 10-28). Truyền thống tư tế cũng đặt ở nơi đây sự ấn định và kiến tạo cung thánh (Xh 25-31; 35-40), nhưng luật nghi lễ chính (Lv) và việc tổ chức dân Chúa trước khi lên đường (Ds 1,1-10.28)

Núi Sianai được nhắc đến trong vài văn bản thi phú (Đnl 33,2 Tl 5,5 Tv 68,18 Nkm 9,13 Hs 48,7) và trong các bản văn tông đồ của Tân Ước (Cv 7, 30-38 Gl 4,24-25).

Truyền thống đã kết đọng vào một nơi hành hương duy nhất suốt nhiều thế kỷ để nhớ việc lập luật và để suy niệm. Ngọn núi được các khách hành hương kính viếng Jebel Mùsà cùng với tu viện Catarina, tạo ra một khung cảnh hùng vĩ. Những khởi điểm đưa tới những phát triển này còn bị tranh cãi nhiều. Nhắc tới núi Sinai, chúng ta nhớ tới sự xuất hiện của Thiên Chúa, với 10 giới răn Người ban làm bản hướng dẫn cho cuộc sống là Kitô hữu chúng ta còn được Chúa Giêsu dẫn tới điều cốt yếu là tình yêu, để có thể hân hoan tiến về Núi Thánh Chúa (Tv 71,3 120,1)

### CON RẮN

(CN 4 CHAY B – Ga 3,14-21)

“Nhu ông Môsê đã giương cao con rắn trong sa mạc” (Ga 3,14)

Tiếng Hy Lạp chỉ có từ ophis (rắn) và echidna (rắn độc) còn tiếng Do Thái trong Cựu Ước có đến chín danh xưng để chỉ con rắn, trong đó leviathan và tanmin (con rồng) chỉ những thực thể bí nhiệm và nehushàn là con rắn đồng, đối tượng của việc thờ kính (2V 18,4).

Phần lớn các chủng loại mang tên con rắn sống trong các kẽ đá (Tv 30,19) hay trong cát nóng miền sa mạc nên người ta kết luận rằng con rắn ăn bụi đất (St 3,14 Is 65,35 Mk 7,17). Con rắn có thể làm ổ trên cây (St 3) hoặc bò trên tường (Am 5,19). Những loài rắn độc có thể cắn chết người và đáng sợ (Tv 140, 4 Cn 23,32 Hc 21,2 Kn 17,9). Vì thế người ta thực hiện nghi thức trừ rắn (Gr 8,17 Tv 58,5t Gv 10,11).

Tường thuật về sự sa ngã (St 3) ghi nhận “rắn là loài xảo quyệt nhất trong các vật Chúa dựng nên” (câu 1). Nó khơi truyện (c1-5) để người nữ xác nhận lệnh cấm (c.3 2,17) để dẫn vào huyền thoại về sự ghen tương của các thần minh (c. 4-5). Sau đó, con rắn biến đi và chỉ tái xuất sau tội phạm vì người nữ tố cáo là đã bị nó lừa (c.13) và bị Thiên Chúa chúc dữ (cc 14-15) phải đi bằng bụng, phải ăn bụi đất và phải sống với loài người trong tình trạng hận thù truyền kiếp.

Con rắn thực chất là gì ? chỉ có sách khôn ngoan ám chỉ đến “quý dữ ghen tương” đưa sự chết vào thế gian (Kn 2,27). Con rắn được đồng hóa với quỷ cách mặc nhiên (Ga 8,44) và rõ rệt là Satan (Kh 12,9 20,2). Các giáo phụ đọc sách Sáng thế theo viễn quan này và khám phá ra từ St 3,15, những lời sấm thiên sai và thần học công giáo nhấn mạnh tới chiêu kích thánh mẫu học.

Cần ghi nhận con rắn không phải là một thứ nhập thể của nguyên lý sự dữ. Sự dữ là do tội loài người bất phục trước ý muốn của Thiên Chúa (St 2,17). Con rắn là một thụ tạo của Thiên Chúa (3,1), người ta đã thờ phượng nó và dân Israel một thời chấp nhận (Ds 21,4-9 Kn 16,5-15) mãi tới cuộc canh tân của Ezechias (2V 18,4)! Con rắn thường được liên kết với sự sống và sự khôn ngoan, nhưng tường thuật về sự sa ngã đã giải toả huyền thoại này rồi.

Trong sa mạc, dân Israel bị rắn cắn. Môsê được lệnh làm một con rắn đồng treo lên một cái cột và ai nhìn lên sẽ không chết vì bị rắn cắn (Ds 21,8 -9). Thời Ezechias tại đền thờ, có một con rắn đồng (2V 18,4). Người ta dâng lễ cho rắn. Rõ ràng là việc tôn thờ ngẫu tượng và Ezechias đã phá đi. Chính Thiên Chúa mới là Đấng Cứu Độ muôn người (Kn 6,6-7). Thánh Gioan lấy lại sự kiện trên và giải

thích theo nghĩa tiền trung : Chúa Giêsu bị treo trên thánh giá và ai tin tưởng nhìn lên Ngài thì sẽ được cứu (Ga 3,14-15)

## GIAO ƯỚC

(CN 5 CHAY – Gr 31,31-34)

“Ta sẽ lập một giao ước mới” (Gr 31,31)

Giao ước tiếng Do thái là b'rit với nghĩa sơ khởi là “giữa hai”. Từ này chỉ có thể hiểu được với kiểu bói Karat b'rit (cắt hai), ghi nhận việc ký kết giao ước (St 15,18. 21,27 ...). Theo nghi lễ được mô tả trong St 15,9-17 và Gr 34,18t, những người kết ước đi giữa những phần thịt còn tươi máu của lễ vật bị chặt đôi. Nghi lễ này nhắc nhở rằng ai lỗi sẽ chịu cùng một số phận như vậy.

Các hạn giới của một giao ước tùy theo nó được ký kết giữa hai cá nhân (St 21,22-32. 31, 44-45 1Sm 18,3. 23,18) giữa các quốc gia (2Sm 3,13.21 1V 5,26. 15,19. 20,34), giữa lãnh tụ và thuộc hạ (2Sm 5,3 2V 11,4-17), giữa hai người kết ước (Ed 16,8 Kl 2,14 Cn 2,17). Giao ước không nhất thiết đòi bình đẳng về lợi và nghĩa giữa hai bên kết ước. Giao ước có thể được ký kết qua các người làm trung gian (Môsê :Xh 24, Giosuê :Gs 24, tư tế Yehoyata : 2V 11,17) và sự can thiệp của người trung gian không làm thay đổi bản chất của giao ước giữa hai bên. Một giao ước long trọng được ký kết dưới sự chứng kiến thần linh (1Sm 23,18 2Sm 5,3 2V 23,3) với lời thề phải giữ (St 21,22-32. 26, 26-31 Đnl 29,9-14 Gs 9,15-20 2V 11,4 Ed 16,8) và kèm theo lời chúc lành lẫn lời chúc dữ (Đnl 28), một tiệc thánh (St 26,30. 3,54 Xh 24,11 2Sm 3,20). Các hy tế (Xh 24,4-8 Tv 50,5). Như thế giao ước được đặt dưới sự bảo đảm thần thiêng, tạo thành một hành động tôn giáo và vẫn không đánh mất đặc tính pháp lý.

Ý niệm giao ước được Thiên Chúa ký kết có những áp dụng cụ thể trong Cựu Ước : Với Noe sau cơn lụt và được bảo đảm bằng dấu chỉ cầu vòng (St 9,8-17 Hc 44,18), với Abraham và lời hứa về đất đai, con cháu cùng biểu trưng bằng việc cắt bì (St 15, 17- 18,17 Hc 44,20t) với Đavít và triều đại của vua (2Sm 23,5. 7,11-16 Tv 89 Hc 45,25) được lập lại với vua Joas (2V 11,17) trước khi vị cứu tinh vương giả chào đời. Giao ước với giai cấp tư tế (Ds 25,12t Hc 45,6-25. 1Mc 2,54) khơi nguồn cho niềm mong đợi vị cứu tinh là tư tế. Đặc biệt là giao ước với dân được ký kết tại Sinai theo Xh 19, 34, được lập lại trên đất Moab theo Đnl 4,44-29, rồi ở Sichem theo Gs 24,7-28, sau cùng dưới triều Joab (2V 23,1-3) và sau lưu đày (Nkm 10,1-29t).

Các sách Tin Mừng và Công vụ ám chỉ lời giao ước với Abraham (Lc 1,72 Cv 3,25. 7,8) và trích các lời về thánh thể khi coi máu Chúa Kitô là “máu giao ước” (Mt 26,28 Mc 14,24) hoặc “máu giao ước mới” (Lc 22,20 1Cr 11,25). Đưa về Xh 24,3, ta có thể kết luận rằng hy tế của Chúa Kitô thực hiện lời hứa của Thiên Chúa khi phục hưng mối tương quan mới đặc biệt giữa Thiên Chúa và loài người.

NGƯỜI TÔI TRUNG  
(CN LỄ LÁ A – Is 42,1)



“Đây là người tôi trung Ta nâng đỡ” (Is 42,1)

Bước vào Tuần Thánh, chúng ta chúng ta được nghe đọc bài ca “người tôi trung” của Thiên Chúa. Có bốn bài ca loại này, được ghi cách quãng nhau trong sách An Ủi (Is 42,1-9 49,1-7 50,4-9 52,13 -53,12) nơi người tôi trung, Thiên Chúa được vinh quang (48,1 và 42,1). Nội dung đạo lý chịu ảnh hưởng các tiên tri thời trước : hình ảnh ánh sáng các dân tộc (Is 42,6-8.23 9,1), chồi cây yếu ớt (53,2 11.1). Vài nét về ơn gọi của Gêrêmia cũng xuất hiện trong việc người tôi trung được gọi (Is 49,1 Gr 1,5).

Trong Cựu Ước, danh hiệu Người tôi trung được ghép cho nhiều nhân vật, miễn là họ được Thiên Chúa kêu gọi để phục vụ dân Chúa chọn. Đó là các tổ phụ Abraham, Isaac, Giacóp (St 26,24 24,14 Xh 32,13), Môsê (Ds 12,7), Giôsuê (Gs 24,29) Đavít (2Sm 7,8). Các tiên tri (Am 3,7 Gr 7,25), các tư tế (Tv 134,1), cả vua Chúa ngoại bang như Nabuchodonosor và Cyrô (Gr 25,9 Is 43,10). Israel cũng mang danh này (Is 42,19 45,4).

Trong bốn bài ca “người tôi trung” hình ảnh lại khác. Người tôi trung là một cá vị (Is 49,1), có sứ mệnh thân tập dân Israel (Is 49,5-6) và giảng dạy cho dân (50,4-10). Được kêu gọi trước khi sinh ra (49,1) và được tác tạo theo ý Thiên Chúa (42,6) người tôi trung được Ngài yêu quý và ban cho Thần Khí (42,1). Còn người tôi trung thì đóng vai trò một môn đệ (50,4), có lòng nhân từ cao độ (42,2-3), biết từ bỏ tuyệt vời và ung chịu khổ vắn phớ thác hoàn toàn nơi Thiên Chúa (49,4 50,7). Điểm cuối cùng, người tôi trung là người chính trực (53,4-5).

Thi hành sứ mệnh, người tôi trung sẽ nên ánh sáng soi kẻ mù lòa, giải thoát cho kẻ tù tội được tự do (Is 42,7). Theo đường lối của mình, người ta lạc xa Thiên Chúa (Is 53,6). Phải hối cải, trở về với Thiên Chúa. Người tôi trung là người công chính chịu đau khổ, đền tội và khẩn cầu cho người khác. Kết quả là mọi tội nhân lương hay giáo, được thoát khỏi tội lỗi, được công chính hóa (53,5.11). Nghĩa cử hy sinh của người tôi trung mở ra một viễn tượng mới : Ngài tỏ đức công chính cho muôn nước (42,1-4) giáo lý của Ngài sẽ công chính hóa nhiều người (42,3 53,11). Ngài còn là vị trung gian Giao Ước ký kết với toàn thể nhân loại (42,6), việc làm của Ngài đạt tới vinh quang sáng ngời (53,10-12).

Chúa Giêsu quả là người tôi trung đích thực của Thiên Chúa, Người đã đến để hầu hạ (Mt 20,28). Khởi đầu sứ vụ công khai của Người cũng là khởi đầu thời thiên sai (Mt 3,16 Is 53,12). Cựu Ước hiện thực nói Chúa Giêsu (Lc 22,37 – Is 53,12). Người hy sinh mạng sống để làm giá cứu chuộc (Mc 10,45 – Is 53,5) và lập nên Giao Ước mới (Mt 26,28 – Is 42,6) Ca vãn Pl 2 là lời ca ngợi đức tuân phục đáng khen của người tôi trung.

## MỘ

(PHỤC SINH B – Mc 16,1-8)

“Sáng tinh sương ngày thứ nhất trong tuần, lúc mặt trời hé mọc, các bà ra mộ” (Mc 16,12)

Truyền thống thời các tổ phụ cho thấy người ta dùng hang động tự nhiên để làm mộ : Abraham mua ở Hebron, nơi có hang Makpela làm nơi ông và Sara

được mai táng (St 23,19 25,9). Tác giả truyền thống tư tế cho rằng Isaac và Rebecca, Giacóp và Lea cũng được chôn cất ở đó (St 49,29 50,13). Theo St 50,5 47,30 Giacóp có lẽ đã đào cho mình một ngôi mộ ở vùng đất ông đã mua tại Sichem (St 33,19) và sau này Giuse con ông được chôn cất tại đó (Gs 24,32).

Tất cả truyền thống thời tổ phụ đều ám chỉ việc sở hữu lãnh địa và định cư của bộ lạc mang danh tổ phụ tại lãnh địa này. Giosuê được mai táng ở miền đất thừa kế tại Timnat- Séra trong núi Ephraim (Gs 24,30). Samuel được chôn cất tại quê nhà ở Tama (1Sm 25,1 28,3), Giacóp “tại nhà ông này trong sa mạc” (1V 2,23), vua Marassê “được chôn cất trong vườn thuộc cung điện vua, vườn của Uzza” (2V 21,18 2Sb 33,20). Thời Tân Ước, Giuse Arimathêô đã chuẩn bị một ngôi mộ cho mình trong vườn nhà (Mt 27,60 Mc 15,46 Lc 23,53 Ga 19,41). Trái lại, tiên tri Isaia bài kích quan Sabna, có lẽ gốc gác miền bắc Israel lại cho đào mộ mình tại Giêrusalem “ông có gì ở nơi đây ... mà đào mộ cho ông ở nơi này” (Is 22,16t)

Nơi chôn cất trước kia thường rất gần nơi dân cư sinh sống, với việc mở rộng thành phố và các tường thành liên tiếp xây lên, các mộ phần ở ngoài tường thành có thể lại gặp ở trong tường thành (intra muros). Êdêkiel đã chống lại việc chôn cất các vua tại cung điện, trong thành và gần đền thờ (Ed 43,7-9). Thời đô hộ của Hilạp và Rôma, người ta thấy các ngôi mộ được xây ở thung lũng Cédron ở phía tây triền dốc của Đền thờ. Ngoài các ngôi mộ gia đình, có những hố lấp chôn tập thể cho những người nghèo (Gr 26,23)

Việc được chôn cất tại ngôi mộ gia đình mình là dấu chỉ một cuộc đời bình thường, được chúc phúc, từ đó phát xuất kiểu nói “sum họp với tổ tiên” “được chôn cất với tổ tiên”, “với bộ tộc” (St 49,29, 2Sm 2,32. 17,23. 1V 14,31. 15,24. 22,51. 2V 8,24. 12,22. 14,20. 15,7-38 16,20. 22,20 Nkm 2,3-5). Ngược lại, không được chôn cất với gia đình hoặc tệ hơn, không được chôn cất là dấu bất hạnh và bị chúc dữ (2V 19,10. Gr 8,2. 16,46. 25,33 Tv 79,3).

Chúa Giêsu sau khi chết trên thánh giá, đã được mai táng trong mộ ông Giuse Arimathêô đào sẵn (Mt 27, 57-61 Mc 15,42,46. 16,3 Lc 23,50-53. 24, 1-2 Ga 19,38-42. 10,1-3). Nhưng ngày thứ ba “Người đã trỗi dậy” (Mc 16,6). Tin này cần phải được loan báo rộng rãi (Mt 28,8)... vì chúng ta sẽ cùng sống với Người (2Tm 2,11)

## TÔMA

(CN 2 PS B – Ga 20,19-31)

“Một người trong Nhóm Mười Hai, tên là Tôma, cũng gọi là Đidymô ...” (Ga 20,24)

Tôma. tiếng Hy Lạp là Thomàs, tiếng Aramêô là T<sup>c</sup> ôma, có nghĩa là sinh đôi, là một thành viên trong Nhóm Mười Hai được ghi danh trong bản liệt kê (Mt 10,3 Mc 3,18 Lc 6,15 Cv 1,13). Tin mừng Nhất Lãm (Mt- Mc- Lc) ngoài bản liệt kê ở trên không thấy đề cập đến ông Tôma ở chỗ nào khác nữa. Trái lại, thánh sử Gioan dành cho nhân vật này nhiều quan tâm. Trong Tin Mừng theo thánh Gioan, từ Đidymus có nghĩa là sinh đôi được thêm vào. Những bản khác gợi ý rằng danh

xung này không bao giờ được dùng như một biệt danh và hẳn tên riêng Tôma không cần phải dè giữ.

Hình ảnh của Tôma bỗng nổi trội khác thường trong Ga 11,16 khi ông đề nghị Nhóm Mười Hai “cả chúng ta nữa, chúng ta cũng đi để cùng chết với Thầy” Giai thoại này gợi ý cho thấy tính khí ông quảng đại nồng nhiệt. Gợi ý này xem ra trái ngược với giai thoại khác nổi tiếng hơn về một Tôma đa nghi. Không được gặp Chúa Giêsu phục sinh vào ngày thứ nhất trong tuần, ông đã phát biểu : “nếu tôi không thấy dấu đinh ở tay Người, nếu tôi không xỏ ngón tay vào lỗ đinh và không đặt bàn tay vào cạnh sườn Người, tôi không tin” (Ga 20,25)

Thực ra Tôma cũng như bao nhiêu người khác không có được sự hiểu biết đầy đủ về Chúa Giêsu và đường Cứu Độ của Người : “Thưa Thầy, chúng con không biết Thầy đi đâu, làm sao chúng con biết đường” (Ga 14,5). Và lại vẫn nạn Tôma đưa ra ở đây, cũng như ở Ga 20,25, là những dịp để ghi lại lời Chúa Giêsu nói. Khó khăn Tôma cảm thấy còn lớn hơn nhiều đối thế hệ đầu tiên và đức tin của họ đáng khen hơn đức tin của các chứng nhân : “Phúc thay người không thấy mà tin” (Ga 20,29)

Bị coi là người đa nghi, khó chịu nhưng Tôma đã nói lên niềm tin vững chắc của mình : “Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con” (Ga 20,28). Nếu như đã vắng mặt trong ngày thứ nhất trong tuần vì lý do nào đó, thì vì đức tin đã được củng cố, Tôma đã có mặt để cùng đi đánh cá với các bạn và được gặp Chúa Phục Sinh (Ga 21,2)

Theo Êusebiô, thánh Tôma đã đi loan báo tin mừng cho dân Parthe và được chôn cất tại Edesra (Eusébe, Hist Eccl 3,1). Nhưng các Kitô hữu Syria theo nghi lễ Malabar coi thánh nhân là người loan báo tin mừng cho Ấn Độ và kính mộ ngài ở Madras

## XÁ TỘI / ĐÈN BÙ

(CN 3PS B – 1Ga 2,1-5a)

“Chính Đức Giêsu Kitô là của lễ đền bù tội lỗi chúng ta” (1Ga 2,2)

Trong tiếng Do Thái, động từ kipper mà tiếng Hilạp chuyển dịch thành hilaskesthai, gợi ý việc bày ra vật gì đó để phủ lấp, che dấu, xóa bỏ, tẩy sạch. Từ này là đặc trưng của truyền thống tư tế, có nghĩa là nhờ một nghi lễ để đạt được sự thanh tẩy tội lỗi, xóa bỏ tội lỗi, làm dịu hay xóa đi cơn giận của người bị xúc phạm (Cn 16,14 Lv 9,7 Tv 65,4 ...) Theo kiểu nói loài người, dân Do thái qui cho Thiên sự giận dữ được biểu hiện ra trước mặt. Trước sự bất phục của dân, Thiên Chúa nổi giận (Xh 4,14 Gr 23,19 Tv 76,8 ...). Cần phải làm cho Chúa nguôi giận và trở nên nhân từ (2Sm 21,1-4)

Ngoài việc tắm và rửa để thanh tẩy (vd. Ds 19,1-10), các nghi thức xá tội chính yếu là rảy máu trên các vật dụng thờ phụng và nghi thức “oan dương” (tiếng do thái là Yômkippur Lv 16). Hai nghi thức này được cử hành hằng năm trong ngày Đại xá. Còn cần thêm vào đó những hy tế đền tội (Lv 5,14-26), những hy tế tạ tội (Lc 4,1-5.13). Trong tất cả các nghi thức này, trọng thể hay thông thường, vì tội

chung hay tội riêng, máu đổ ra có một vai trò lớn lao. Vì máu là sự sống (Lv 17,11), sự sống (loài vật) được dâng thay cho sự sống loài người. Nghi thức thay thế này là nghi thức nhằm vừa chữa lành vừa thanh tẩy, bởi vì máu chữa lành ban lại sự sống và thanh tẩy vết nhơ do tội lỗi.

Trong Tân Ước, chữ “xá tội” ít được dùng (Rm 3,25 Dt 2,17 1Ga 2,2. 4,10). Nhưng tư tưởng lại thường thấy không những trong suốt bức thư gửi giáo dân Do thái mà mỗi khi Đức Kitô được tuyên xưng là “chết vì tội lỗi chúng ta” (Vd 1Cr 15,3) hay “đổ máu ra để tha tội” (vd. Mt 26,28).

Các nghi thức xá tội của Cựu Ước không vĩnh viễn xóa sạch được tội lỗi và phải được lặp lại hằng năm. Trái lại, hy tế của Đức Kitô có giá trị cứu chuộc vĩnh viễn (Dt 9,12). Nhờ cái chết, Đức Kitô đã vào nơi Cực Thánh và một lần thay cho tất cả đã tẩy sạch tội lỗi nhờ máu Ngài (Dt 1,3), đền bù tội lỗi của dân (2,17). Kitô học của thư Do thái còn tham chiếu các bài ca về Người Tôi Trung (Is 42,1t. 49,1t. 50,4t. 52,13t) cũng như lời loan báo về giao ước mới (Gr 31,31-34).

Cũng giáo thuyết này được diễn tả trong các tường thuật về việc thiết lập bí tích Thánh Thể (Mt 26,26-29...). Thánh thể là sự thông hiệp máu Đức Kitô (1Cr 10,16), thực hiện giao ước mới (1Cr 11,25), máu đổ ra cho nhiều người được tha tội. Đức Kitô là của lễ đền bù tội lỗi chúng ta (1Ga 2,2. 4,10 Rm 3,25)

#### MỤC TỬ NHÂN LÀNH (CN 4 PS B – Ga 10, 11-18)

“Mục tử nhân lành hy sinh mạng sống mình cho đoàn chiên” (Ga 10,11)

Chúa Giêsu tự nhận là mục tử nhân lành (Ga 10,11a). Hình ảnh mục tử gợi ra hai điểm bề ngoài có vẻ tương phản : vị thủ lãnh và bạn đồng hành. Mục tử là người hùng mạnh (1Sm 17,34 –37 Mt 10,16 Cv 20,29) nhưng cũng tế nhị với chiên vì biết lối sống của chúng (Cn 27,23) thích nghi với hoàn cảnh của chúng (St 33,13) bông ả (Is 40,11) cung chiều chúng (2Sm 12,3). Quyền của mục tử đặt nền tảng trên sự tận tụy và tình thương. Chúa Giêsu ngay từ buổi đầu làm người đã muốn xếp các người chăn chiên vào hạng người vui vẻ đón nhận Tin Mừng (Lc 2,8-20). Chính Ngài nuôi ước mơ của một mục tử đi tìm chiên lạc (Lc 15,4-7).

Tin Mừng nhất lãm có những nét báo trước ám dụ của thánh Gioan về Chúa Giêsu, mục tử nhân lành. Việc Ngài sinh tại Belem hoàn tất lời tiên tri (Mt 2,6 Mk 5,1) Ngài đứng là chủ chăn Môsê mong ước (Ds 27,17) Ngài đến cứu những con chiên lạc nhà Israel (Mt 15,24. 10,6. Lc 19,10). “Đàn chiên nhỏ” Ngài tập hợp lại (Lc 12,32) là hình ảnh cộng đoàn thời cánh chung (Đn 7,27) sẽ bị bách hại bởi lang sói bên ngoài (Mt 10, 16 Rm 8,36) và bởi lũ đội lốt chiên bên trong (Mt 7, 15). Chiên sẽ bị tan tác nhưng vị chủ chăn sau khi bị đánh đập sẽ tập hợp họ lại (Mt 26,34t Dcr 13,7). Thời cuối, Ngài sẽ phân chia họ ra như mục tử phân loại chiên và dê (Mt 25,31t)

Trong Tin Mừng Gioan, những dấu hiệu trên được phác lại thành một bức tranh về một Hội Thánh sống động dưới cây trượng của vị Mục Tử duy nhất (Ga 10) Nét riêng của hình ảnh này cho thấy vị Mục Tử duy nhất là chính Con Thiên Chúa, mặc khải cho môn đệ tình thương của Thiên Chúa. Như ở Êdêkien (Ed

43,17) nơi đây đề cập đến một cuộc xét xử (Ga 10,1-10) bị tan rã (Ed 34,5 Ga 10,12), nhưng Chúa Giêsu cứu họ và đưa vào đồng cỏ xanh tươi (Ed 34,10-14 Ga 10,11. 3.9.16). Lúc đó họ sẽ nhận biết Chúa (Ed 34,15-30 Ga 10,15) là Đấng đã cứu họ (Ed 34,22 Ga 10,9).

Chúa Giêsu minh định Ngài là Vị Mục Tử duy nhất (Ga 10,11) như đã được loan báo (Ed 34,23), là trung gian độc nhất là cửa đàn chiên (Ga 10,7), là chủ chiên, hoàn hảo vì đã hy sinh mạng sống vì đoàn chiên (10,15.17t). Người không chỉ bị đánh đập (Mt 26,31 Dcr 13,7) mà còn tự nguyện hy sinh mạng sống mình (Ga 10,18). Những con chiên bị phân tán được Người tập hợp lại vừa từ Israel, vừa từ chư dân (10,16 11,52). Đoàn chiên này được liên kết trong tình thương liên kết Cha và Con (14,20 15,10 17,8.18-23) và được chính Chúa Cha duy trì, bảo đảm cho được sống muôn đời. (10,27-30)

## CÂY NHO

(CN 5 PS B – Ga 15,1-8)

“Thầy là cây nho, anh em là cành ...” (Ga 15,5)

Cây nho, tiếng Do thái là gepen và tiếng Hy Lạp là ampelos. Cây nho và việc trồng nho vì có vị trí quan trọng trong đời sống người Do thái, nên chiếm ảnh hưởng mạnh trong ngôn ngữ biểu tượng của Kinh Thánh. Israel là gốc nho Thiên Chúa bứng từ Ai Cập đem trồng tại đất Canaan, cành lá lan rộng khắp nơi. (Tv 80,9-12). Đây là cây nho được Thiên Chúa trồng và chăm sóc (Is 5,1-4). Nếu rút lại phúc lành đặc biệt, Thiên Chúa bỏ rơi vườn nho (Tv 80,13t Is 5,5t)

Gốc nho là hình ảnh của sự khôn ngoan (Hc 24,17), biểu trưng hiện thể của người công chính (Tv 128,3), là Moab (Gr 48,32) là Sédékias. Trong Tân Ước, vườn nho được dùng trong dụ ngôn những người thợ làm vườn nho (Mt 20,1-16) và trong dụ ngôn những tá điền sát nhân (Mt 21,33-46). Dụ ngôn cây nho và cành nho cho thấy sự cần thiết phải liên kết với Chúa Giêsu (Ga 15,1-8)

Israel là cây nho được tuyển chọn, nhưng đã thoái hóa và trở nên cằn cỗi (Gr 2,21 8,13) nên sẽ bị nhổ bỏ đi và bị chà đạp (Gr 5,10 12,10). Dân bất trung với Thiên Chúa (Ed 19,10-14 15,6t) hoặc một vị vua phản bội với giao ước đã ký kết (Ed 17,5-19) đều được so sánh như một cây nho tốt tươi nhưng rồi bị khô héo và bị đốt cháy. Nhưng điều mà Israel đã không thể dâng cho Thiên Chúa, thì Chúa Giêsu lại thực hiện được. Người là cây nho chính hiệu, xứng danh là Israel đích thực được Chúa Cha vun trồng, chăm sóc và tưới cành để sinh nhiều hoa trái (Ga 15,1t Mt 15,13). Thật thế, Người đã sinh hoa kết quả bằng việc tự nguyện hiến dâng mạng sống, đổ máu mình ra làm chứng cho tình yêu cao cả (Ga 15,9.13.10, 10t.17). Trong mầu nhiệm Thánh Thể, rượu nho sẽ nên dấu chỉ của máu giao ước mới và vĩnh cửu, giúp ta hiệp thông với tình yêu của Chúa Giêsu và ở lại trong Người (Mt 26,27t Ga 6,56 15,4-9t)

Chúa Giêsu là cây nho đích thực, chúng ta là cành (Ga 15,5). Nói cách khác Người là thân mình, chúng ta là chi thể. Trong Hội Thánh Người, tức là thân thể mầu nhiệm mà Chúa Giêsu Kitô là Đầu, chúng ta được hiệp thông với Người. Không có sự hiệp thông này, chúng ta sẽ như cành lia cây và sẽ bị khô héo và chi

còn bị quăng vào lửa mà đốt đi (Ga 15,4). Vậy mà toàn thể nhân loại được mời gọi hiệp thông với Người (15,16) và chia sẻ niềm vui với Người (15,8-11)

## BẠN

(CN 6 PS B – Ga 15,9-17)

“Thầy gọi anh em là bạn hữu” (Ga 15,15)

Có được một người bạn trung thành là có được một kho tàng vô giá (Hc 6,15t). Bạn bè luôn thương yêu nhau (Cn 17,17) làm cho cuộc sống ngọt ngào (Tv 133 Cn 15,17). Thật đáng ghi nhớ tình bạn giữa Đavít và Gionathan (1Sm 18,1-4) keo sơn giữa thử thách (1Sm 19-20) bền vững (2Sm 1,25t) và được ghi nhớ mãi (9,1. 21,7)

Có những tình bạn chân thật, nhưng cũng không thiếu những tình bạn giả dối. Người giàu sang thì dễ có bạn trong khi người nghèo khổ, bệnh tật và bị bách hại rất ít bạn (Cn 14,20 Tv 38,12. 88,19. 109,4t. G 19,19) “kẻ cùng bàn cũng giờ gót đạp con” (Tv 41,10). Vì vậy, phải sáng suốt và dè dặt khi chọn bạn (Hc 6,5-13 12,8-12.23. 37,1-5) Ngay cả tình bạn thành thật (G 2,12t) cũng có thể gây thất vọng (G 6,15-20) và thất lợi (Đnl 13,8 Hc 12,14 2Sm 13,1-5)

Càng già, tình bạn càng thấm thiết (Hc 9,10). Tình bạn này chấp nhận lời trách móc thẳng thắn (Cn 27,5t), nhất là được nuôi dưỡng bằng lòng kính sợ Thiên Chúa (Hc 6,16). Mẫu mực và nguồn mạch của tình bạn chân thật là tình bạn chính Thiên Chúa muốn nối kết với loài người, như với Abraham (Is 41,8 St 18,17t), với Môsê (Xh 33,11), với các tiên tri (Am 3,7)

Sai Con mình đến với chúng ta, Thiên Chúa đã tỏ ra là bạn hữu của loài người (Tl 3,4) và Chúa Giêsu tỏ ra là người sẵn sàng để bị quấy rầy (Lc 11,5-8) Ngài yêu chàng thanh niên giàu có (Mc 10,20) Lazarô (Ga 11,3.11.35t). Ngài có những người thân cận cùng chia sẻ cuộc sống (Mc 3,14), nhưng không phải tất cả là bạn thân (hylạp : philos) vì Ngài gọi Giuđa là bạn (Hylạp : hetairos) (Mt 26,50 20,13 22,12) trong khi Ngài nói với tông đồ khác : “Thầy gọi anh em là bạn hữu” (Ga 15,15) và chia sẻ với họ những bí ẩn của Cha Ngài. Kiểu mẫu người bạn của Chúa Giêsu, người trung thành theo Ngài tới chân thánh giá, chính là “người được Chúa Giêsu thương mến” (Ga 13,23 21,7-20) và Chúa Giêsu đã trời Mẹ Người cho môn đệ đó (19,26)

Những người được Chúa chọn làm bạn hữu cũng được liên kết với nhau trong tình bằng hữu, dù gặp nhiều sóng gió. Chẳng hạn thánh Phaolô đã gặp khó khăn với Barnabê (Cv 15,36-39) và cả với Phêrô (Gl 2,11-14) và cuối đời cảm thấy cô đơn (2Tm 4,9-14). Nhưng vẫn giữ liên lạc (Rm 6,1-16) và luôn lo lắng đến họ (1Tx 2,7-12 2Cr 11,28t). Trên tất cả, các tín hữu biết ý Chúa muốn sự hợp nhất giữa các môn đệ Người (Ga 15,12t) và hình ảnh của cộng đoàn sơ khai vẫn luôn là lý tưởng (Cv 2,14t 4,32)

## CHÚA GIÊSU LÊN TRỜI

(LỄ THĂNG THIÊN Cv 1,1-11)

“ Cho đến ngày Người lên trời” (Cv 1,2)

Chúa Giêsu Kitô lên trời, Ngài trở về với Chúa Cha để thiết lập Nước Ngài, sau khi đã hoàn thành công việc ở trần gian (Mc 16,19 Lc 24,51 Cv 1,2 Ep 4,10 1Tm 3,16 Dt 9,24 1Pr 3,22 Kh 12,5). Việc Người lên trời được sách Công vụ tông đồ mô tả : “Nói xong, Người được cất lên ngay trước mặt các ông và có đám mây quyện lấy Người, khiến các ông không còn thấy Người nữa ..” (1,9-10). Quang cảnh “mây quyện lấy Người” gợi lại những hình ảnh Cựu Ước biểu trưng cho sự hiện diện của Thiên Chúa (Xh 19,16 Is 6,4 Tv 18,12. 104,3 Đn 7,13)

Việc Chúa Giêsu lên trời đã được loan báo trước. Thánh Phaolô tìm thấy việc loan báo này : “có lời Kinh Thánh nói : Người đã lên cao, dẫn theo một đám tù, Người đã ban ơn huệ cho loài người” (Ep 4,8 x. Tv 68,19). Chính Chúa Giêsu nhìn thấy việc Ngài lên trời như là việc trở về với Cha của Ngài ; “Thầy đã từ Chúa Cha mà đến ... Thầy lại bỏ thế gian mà đến cùng Chúa Cha” (Ga 16,28)

Với việc lên trời, Chúa Giêsu thiết lập Nước Ngài. Trấn an các tông đồ đang buồn phiền vì sắp phải xa mặt Thầy, Chúa Giêsu nói : Thầy ra đi thì có lợi cho anh em. Thật vậy, nếu Thầy không ra đi, Đấng Bảo Trợ sẽ không đến với anh em, nhưng nếu Thầy đi, Thầy sẽ sai Đấng ấy đến với anh em” (Ga 16,7). Chúa Giêsu lên trời để sai Thánh Thần đến. Phần Ngài, Ngài “đi để dọn chỗ cho anh em” và “Nếu Thầy đi để dọn chỗ cho anh em, thì Thầy lại đến để đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó” (Ga 14,2-3). Lên trời, Chúa Giêsu tiến vào vinh quang (Lc 24,16 Ep 1,20-21 1Pr 3,22). Trong vinh quang này, Người thực thi tác vụ thượng tế của mình (Dt 4,14 7,25 9,24). Chúng ta có được vị thượng tế thật uy quyền (9,25) nhất là chính chúng ta, là những người đang sống, những người còn lại, chúng ta sẽ được đem đi trên đám mây ... để đón Chúa trên không trung. Như thế, chúng ta sẽ được ở cùng Chúa mãi mãi (1Tx 4,17)

Tường thuật về việc lên trời của Chúa Giêsu cũng cho thấy cách Ngài trở lại : “Đức Giêsu, Đấng lia bỏ các ông và được rước lên trời, cũng sẽ ngự đến y như các ông đã thấy Người lên trời” (Cv 1,11)

#### GIÓ

(CHÚA THÁNH THẦN HIỆN XUỐNG : Cv 2,1-11)

“Bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đầy cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp” (Cv 2,2)

Gió, tiếng Do thái là rùah, tiếng Hy Lạp là anemos, pneuma, pnoè, là một yếu tố quyết định đối với khí hậu miền Syro – Palestina. Thánh Kinh cũng hay trung dẫn nhiều thứ gió mà tên của chúng thường lẫn lộn với bốn điểm chính phát xuất ra (Dcr 6,5 Gr 49,36 Đn 7,2 Xh 17,21 Mt 24,31).

Gió là thụ tạo mà Thiên Chúa : “Đấng tạo ra núi non, dựng nên gió bão ... danh hiệu của Ngài là Đức Chúa, Thiên Chúa các đạo binh” (Am 4,13), Ngài lôi gió ra từ các kho chứa trên trời : “làm cho chớp giạt mưa rơi, mở kho thả gió khắp nơi tung hoành” (Gr 51,16 Tv 135,7). Gió phải phục tùng Thiên Chúa (G 28,25 Hc 43,17). Trong Tân Ước, Chúa Giêsu cũng tỏ ra có quyền bắt gió phải tuân phục (Mt 8,26-27). Do đó những trận cuồng phong và những cơn bão tố tỏ bày cơn giận thần linh hay những cuộc thần hiển (Hs 13,15 2Sm 22,11 Ed 1,4)

Tính đồng nhất về hiện tượng khiến tiếng Do thái dùng một từ ruah để chỉ hai nghĩa. Khi là hơi thở, khi là thần khí : như gió “thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước” (St 1,2) hoặc “Thiên Chúa cho gió thổi ngang qua đất, và nước hạ xuống” (St 8,1). Trong khi đó, một cách thi vị, gió được trình bày như xuất phát từ miệng Thiên Chúa : “Người đã thổi hơi” (Is 27,8 G 37,10) hay từ núi Thiên Chúa (Xh 15,8-10). Trong cùng một ý tưởng, tiếng động gây nên bởi luồng gió mạnh vào dịp lễ Ngũ Tuần, tỏ bày sự hiện diện của Chúa Thánh Thần (Cv 2,2). Chính luồng gió – Thánh Thần này đưa các tiên tri lên trời : “vào thời Đức Chúa đến, ông Elia lên trời trong cơn gió lốc” (2V 2,1 x.thêm Ed 8,3. 11,1)

Dưới mắt người phàm, gió với sức mạnh vô hình (G 21,18) và vận tốc của nó, gió biểu trưng cho tính cách bất định, không vững chắc (Gr 5,13) tính vô hình (Gv 1,14), phù vân (G 16,3) khôn lường (Ga 3,8). Hình ảnh gió đông đẩy mây tới mà không làm mưa, được dùng để chỉ người tự phô trương (Cn 25,14) Nhưng gió – Thánh Thần ngày lễ Ngũ Tuần, đã khiến những người có mặt được tràn đầy ơn Thánh Thần (Cv 2,4) ... và thấy họ “ai nấy đều sùng sốt” (2,12).

### BA NGÔI BẰNG NHAU ( CHÚA BA NGÔI B – Mt 28,16-20)

“Làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (Mt 28,19)

Chúng ta tin Một Thiên Chúa, mà Người có Ba Ngôi. Ba Ngôi bằng nhau. Chúa Con và Chúa Thánh Thần ngang bằng với Chúa Cha về tính vĩnh hằng, bản chất và quyền phép. Trong Ba Ngôi, Chúa Cha là đầu, là thứ nhất giữa các ngôi vị ngang bằng nhau. Chúa Con và Chúa Thánh Thần thi hành ý muốn của Chúa Cha, tôn vinh Ngài và làm cho Ngài được nhận biết. Chúa Thánh Thần tôn vinh và làm cho Chúa Con được nhận biết.

Chúa Con ngang bằng Chúa Cha, Người Do thái đã tìm cách giết Chúa Giêsu, vì Người nói : “Thiên Chúa là Cha của mình, và như thế là tự coi mình ngang hàng với Thiên Chúa” (Ga 5,18. 8,16. 14,9. 17,10) Giáo Hội sơ khai đã sớm nhận ra điều đó và xưng tụng “Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa” (Dt 2,6. Cl 1,9 Rm 1,7). Nhận định về sự ngang bằng này được hàm ẩn trong các lời chào mở đầu các lá thư của Tân Ước (1Cr 1,3. Ep 1,2. 1Tx 1,1. 1Tm 1,2. Plm 3. 2Pr 1,2 Kh 5,13). Các vinh tụng ca hướng tới Chúa Cha, cũng như tới Chúa Con, hay tới chính Chúa Con (Rm 9,5. Dt 13,21. 2Pr 3,18 Kh 7,10).

Chúa Thánh Thần ngang bằng Chúa Cha và Chúa Con, như công thức phép rửa Chúa Giêsu đã truyền “làm phép rửa cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần” (Mt 28,19) hay như lời cầu chúc của thánh Phaolô “Cầu chúc toàn thể anh em được tràn đầy ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, đầy tình thương của Thiên Chúa và ơn hiệp thông của Thánh Thần” (2Cr 13,14. 1Pr 1,2)

Chúa Con vâng phục Chúa Cha trong việc nhập thể làm người: “Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự” (Pl 2,6-8. Mt 24,36 Ga 4,34. 6,38.14,28-31 Rm 5,19. Dt 5,8.10, 5-7. Tv 40,6-8). Chúa Cha là “đầu” của Chúa Giêsu (1Cr 11,3. 3,23. 8,6. 15,27-28)



Ngang bằng nhau, liên kết với nhau, Ba Ngôi tôn vinh nhau. Chúa Con tôn vinh Chúa Cha: “Kính dâng Người mọi vinh quang đến muôn thuở muôn đời, nhờ Đức Giêsu Kitô. Amen” (Rm 16,27. Ga 14,13 Ep 1,5-6. 3,21. Pl 2,11 Cl 3,17. 1Pr 4,11 Gđ 25). Chúa Cha và Chúa Con tôn vinh nhau : Xin tôn vinh Con Cha, để Con Cha tôn vinh Cha (Ga 17,1). Trong Tin Mừng theo thánh Gioan, vinh quang của Chúa Giêsu được nhận thấy trên Thánh Giá (Ga 8,54. 13,31-32 17,4 5,24) Chúa Thánh Thần tôn vinh Chúa Cha và Chúa Con : “Thánh Thần đến ... Người sẽ tôn vinh Thầy ... Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy” (Ga 16,13-15. 14,26. 15,26. Ep 1,13-14)

## BỮA TIỆC CỦA CHÚA

(MÌNH MÁU THÁNH CHÚA KITÔ B – Mc 14,12-16.22-26)

“Đang bữa ăn ...” (Mc 16,22)

Bữa tiệc của Chúa” hoặc “bữa ăn tối của Chúa” (1Cr 11,20) là từ ngữ dùng để chỉ việc tưởng nhớ bữa ăn tối sau hết của Chúa Giêsu Kitô và những lợi ích từ bữa ăn ấy đối với các tín hữu. Sau này các kitô hữu còn dùng nhiều từ khác để chỉ bữa ăn này như : bữa tiệc “Hiệp thông”, “Tạ ơn”, “Thánh Thể”...

Các từ ngữ dùng cho “bữa tiệc của Chúa” trong Tân Ước :

- Cv 2,42 “Lễ bẻ bánh” : có thể hiểu hai nghĩa là ăn chung với nhau, cũng như là cử hành bữa tiệc của Chúa.
- Cr 10,16 “dự phần vào” phiên dịch từ tiếng Hylạp koinonia, theo truyền thống được chuyển thành từ “hiệp thông” và nay được dùng là “rước lễ”.
- 1Cr 11,20 “bữa ăn tối của Chúa” và
- 1Cr 11,24 nhấn mạnh “dâng lời chúc tụng tạ ơn” mà tiếng Hylạp là eucharistéo dẫn đến từ ngữ tiệc tạ ơn.

Việc Chúa Giêsu thiết lập bữa tiệc của Chúa được tường thuật trong các bản văn 1Cr 11,23-25 Mt 26,26-28 Mc 14, 22-24 Lc 22,17-20.

Tân Ước cũng ghi lại việc cử hành bữa tiệc của Chúa :

- như một bữa ăn thông thường (1Cr 11,21). Hội Thánh không nhất thiết là đã lầm lẫn như đưa bí tích vào một bữa ăn thông thường. Bữa ăn này đã phải diễn ra trong cách thế và bầu khí thánh đượm tình thân ái.
- Bữa tiệc của Chúa được cử hành vào ngày của Chúa, “ngày thứ nhất trong tuần” (Cv 20,7)
- Cách thức cử hành việc bẻ bánh gồm bốn động tác : “cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, rồi bẻ ra, trao ban” (Mt 26,26 Mc 4,22 Lc 22,19 Ga 6,11 1Cr11,24). Chén được chia sẻ cho nhau uống (1Cr 11,25 Mt 26,27-28 Mc 14,23-24 Lc 22, 20)

Những chủ đề liên kết với “bữa tiệc của Chúa : phải kể đến là

- Lễ Vượt Qua, vì “Đức Kitô đã chịu hiến tế làm Chiên lễ Vượt Qua của chúng ta” (1Cr 5,7-8). Những lời của Caipha có ý nghĩa Vượt Qua này mà ông ta không biết (Ga 11,50 13,1 19,14.33.36. Xh 12,46 Ds 9,12)

- Giao Ước mới (1Cr 11,25 Mt 26,27-28 Mc 14,23-24 Lc 22,20). Sự quy chiếu về giao ước mới này hàm chứa mối tương quan cả với Thiên Chúa và việc tha thứ tội lỗi.
- việc tưởng nhớ (1Cr 11,24 Lc 22,19)
- việc cảm tạ tình nghĩa thiết và sự hiệp nhất (1Cr 10,16 Mt 26,26-27 Mc 14,22-23 Lc 22,19 1Cr 11,20-21)
- việc Chúa lại đến (1Cr 11,26 Mt 26,29 Mc 14,25 Lc 22,16 1Cr 16,22 Kh 22,20).
- việc tránh xa tội lỗi (1Cr 10,21 11,27-32)
- việc ném hương trước hương vị thiên đường (Mt 26,29 Mc 14,25)

### CHẾT ĐUỐI

(CN 12 TN B – Mc 4,35-41)

“Thầy ơi, chúng ta chết (đuối) đến nơi rồi” (Mc 4,38)

Trong cơn bão táp, Thiên Chúa đã lên tiếng trả lời ông Gióp, cho ông rằng chính Ngài là chủ vạn vật. Ngài phán : “ngươi chỉ đến đây thôi, chứ không được tiến xa hơn nữa, đây là nơi các đợt sóng cao phải vỡ tan tành” (G 38,11). Chúa Giêsu cũng tỏ uy quyền của mình, uy quyền của một ngôi vị Thiên Chúa, khi Người truyền cho biển động vì cuồng phong : “Im đi, câm đi”. Gió liền tắt và biển lặng như tờ (Mc 4,39)

Bị chết đuối quả là đáng sợ. Quân sĩ Ai Cập khi đuối theo người Do thái, đã chịu cảnh chết đuối thảm hại giữa lòng biển Đỏ (Xh 14,21-28). Trong khi đó, “nhờ đức tin, người Do thái đã băng qua Biển Đỏ như đi trên đất khô” (Dt 11,29). Sau phép lạ này, người Do thái đã hát vang Bài ca chiến thắng hát mừng Thiên Chúa mà họ đặt niềm trông cậy (Xh 15,1-5)

Chống lại Thiên Chúa, không muốn vâng lệnh Người chỉ rước thảm họa cho mình. Giôna đã trải qua kinh nghiệm đau thương này khi ông bị ném xuống biển và bị một con cá nuốt vào bụng (Gn 1) may thay, trong bụng cá ông đã hồi hận, dâng lên Chúa kinh nguyện thống hối và được cứu thoát (Gn 2,2-7)

Chết đuối, kết cuộc thật thảm khốc. Đạo binh qủy, qua lời tự thú phát ra từ miệng người bị chúng ám ở Ghêsara (Mc 5,10), thấy mình chỉ đáng nhập vào đàn heo như uest và tự thân “từ trên sườn núi lao xuống biển và chết ngộp ở đó” (5,13). Vui mình trong tội lỗi là chuốc lấy khổ vào thân. Cần nhận ra thảm trạng này như ông Gióp đã thú nhận bằng hình ảnh sống động : “Nếu con phạm tội, thì khốn cho con ! Mà nếu có công chính, con cũng chẳng dám ngẩng đầu : túi hổ đầy tràn, lỗi làm chồng chất” (G 10,15)

Tội lỗi đáng bị chôn vùi, người cố tình phạm tội đáng bị chôn vùi theo. Người gây cơ khiến cho người khác sa ngã, “thà buộc cối đá lớn vào cổ nó mà ném xuống biển” (Mc 9,42 Mt 18,6 Lc 17,1-2) cho chết đuối chết chìm còn hơn.

Thực tế cuộc sống nhiều khi cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Một lần Chúa Giêsu và các tông đồ đang trên thuyền đi tìm nghỉ ngơi, bỗng cuồng phong ập tới (Mc 4,31-45). Điều kỳ lạ là trong khi các tông đồ lo lắng “chúng ta chết

(đuổi) đến nơi rồi mà Chúa Giêsu vẫn “đưa đầu vào chiếc gối mà ngủ” (38). Chỉ có điều đáng sợ là tội lỗi và “chưa có lòng tin” (40)

## NGỦ VÀ CHẾT

(CN 13TN B – Mc 5,21-43)

“Đứa bé có chết đâu, nó ngủ đấy thôi” (Mc 5,39)

Đáp lời mời của viên trưởng hội đường Giairô để cứu sống con gái đã chết của ông (Mc 5, 35) Chúa Giêsu lại nói : “đứa trẻ có chết đâu, nó ngủ đấy” (39), khiến có kẻ chế nhạo Người (40). Trường hợp của bạn Lazarô cũng vậy, ông ta đã chết (Ga 11,13) nhưng Chúa Giêsu lại nói : “Lazarô, bạn chúng ta đang an giấc, tuy vậy, Thầy đi đánh thức anh ta dậy” (11,11). Thánh Kinh thường dùng giấc ngủ như hình ảnh của sự chết nhằm cho thấy các tín hữu sẽ được đánh thức dậy để phục sinh trong ngày sau hết.

Sự chết được trình bày bằng hình ảnh biểu trưng như giấc ngủ. Trước hết, giấc ngủ sự chết là truyện thường đối với mọi người, “Chúa bắt phàm nhân trở về cát bụi, Ngài phán bảo : hỡi người trần thế, trở về cát bụi đi” (Tv 90,3-4). Số phận là như thế, nên Gióp than thở : “chỉ ít nữa thôi, con sẽ ngủ vùi trong cát bụi. Ngài có tìm cũng chẳng thấy con đâu” (G 7,21). Sau này, người ta thấy rõ hơn giới hạn của sự chết : “trong số những kẻ an nghỉ trong bụi đất, nhiều người sẽ trở dậy, người thì để hưởng phúc trường sinh, kẻ thì để chịu ô nhục và bị ghê tởm muôn đời” (Đn 12,2). Chúa Giêsu thì nói rõ cái chết chỉ là giấc ngủ : “đứa bé có chết đâu, nó ngủ đấy thôi” (Mc 5,39 Mt 9,24 Lc 8,52-53)

Chết chỉ như giấc ngủ, nên khi chết, người ta như nghỉ yên với tổ tiên. Đó là cách nói về cái chết của Môsê (Đnl 31,16) Đavít (1V 2,10. 2Sm 7,12) Salomon (1V 11,43) và các vua khác (1V 14,20-31. 16,6. 22,50 . 2V 14,16. 15,7. 16,20. 20,21. 21,18). Những người chết trong Đức Kitô thì “có tiếng từ trời phán rằng : người hãy viết ngay từ bây giờ, phúc thay những người đã chết mà được chết trong Chúa ... họ sẽ được nghỉ ngơi, không còn vất vả nhọc nhằn nữa, vì các việc họ làm vẫn theo họ” (Kh 14,13). Họ thật sự là những người đã được an nghỉ trong Đức Kitô phục sinh (1Cr 15,6.17-19).

Như vậy sự chết không phải là hết hiện hữu. “các ông chớ ngạc nhiên về điều này, vì giờ đã đến, giờ mọi kẻ ở trong mồ sẽ nghe tiếng Người Con và sẽ ra khỏi đó : ai đã làm điều lành, thì sẽ sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án” (Ga 5, 28-29). Thật hạnh phúc người công chính vì “khi thức giấc, được thỏa tình chiêm ngưỡng Thánh Nhan” (Tv 17,15)

## CỨNG LÒNG TIN

(CN 14 TN B – Mc 6,1-6)

“Người lấy làm lạ vì họ không tin.” (Mc 6,6)

“Làm phúc nơi nao để cầu ao rách nát” đó là lời khiển trách đối với người không biết đến người thân kẻ gần là gì . Chúa Giêsu đi qua nơi nào thì giáng phúc xuống nơi ấy. Vậy mà khi trở về quê quán mình, Người bị rẻ rúng “tại chính quê

huong mình” (Mc 6,4) Người đã “không làm được phép lạ nào tại đó” (6,5). “Người lấy làm lạ vì họ cứng lòng tin” (6,6). Sự cứng lòng tin hay không tin thác vào Chúa ngăn chặn ơn lành của Chúa và dẫn tới án phạt cũng như cái chết thiêng liêng.

Bản chất của sự cứng lòng tin là “đã không tin ở Chúa Trời, chẳng cậy trông ơn Người cứu độ” (Tv 78,22). Cứng lòng tin còn là chống lại, là “lìa xa Thiên Chúa hằng sống” (Dt 3,12.16 Tv 78,40), là bất tuân phục (Dt 11,31 Ep 2,2 Dt 3,18-19. 4,11). Cứng lòng tin còn đi tới chỗ tra vấn lòng chân thành của Chúa (1Ga 5,10 Tv 106,24).

Sự cứng lòng tin còn được coi như là hệ lụy do việc quý dũ làm. Nó cất mắt Lời Chúa đi (Lc 8,12 Mt 13,19 Mc 4,15), “làm cho tâm trí họ ra mù quáng” (2Cr 4,14 . 2Cr 4,3 Rm 1,21 Ep 4,18).

Kết cuộc của sự cứng lòng tin là người ta không còn thuộc về Chúa nữa : “các ông không tin vì các ông không thuộc về đoàn chiên của tôi” (Ga 10,26 Ga 5,38. 8,44-45. 12,37-40. 1Cr 2,14). Sự cứng lòng tin còn ngăn cản Chúa Giêsu làm những phép lạ hầu sinh ích cho họ (Mc 6,5-6 Mt 13,58)

Sự cứng lòng tin khi đã trở thành ngoan cố thì dẫn tới những hệ lụy thật khôn lường. “Sẽ không được vào chốn yên nghỉ của Người, nếu không phải là với những kẻ bất tuân ?” (Dt 3,18), “chốn yên nghỉ” mà dân Thiên Chúa được hưởng khi vào đất hứa ở đây được dùng làm biểu tượng cho phần thưởng sau hết Thiên Chúa dọn sẵn cho dân Ngài (x. Dt 4,1-2.6 Gđ 5). Cứng lòng tin sẽ bị chia cắt khỏi dân Chúa : “Vì họ không tin mà đã bị chặt đi, còn bạn vì tin mà còn đó” (Rm 11,20 Dt 6,4-6). Cứng lòng tin còn dẫn tới cái chết trong tội : “các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết” (Ga 8,24 Tv 106, 43 Mc 4,12 Cv 10,43). Sự cứng lòng tin làm cho Thiên Chúa phải phẫn nộ. Án phạt của Thiên Chúa đổ trên kẻ cứng lòng tin : “kẻ không tin thì bị lên án rồi, vì đã không tin vào danh của Con Một Thiên Chúa” (Ga 3,18 Mc 16,16 Lc 12,46 Ga 12,48. 2Tx 2,12 Kh 21,8)

## MƯỜI HAI

(CN 15 TN – B – Mc 6,7-13)

“Đức Giêsu gọi nhóm Mười Hai lại” (Mc 6,7)

Kêu gọi nhóm mười hai : là người miền Nam, được sai ra miền Bắc làm tiên tri, Amos bị khiêu khích : “Này thầy chiêm ơi, mau chóng về miền Giuđa, về đó mà kiếm ăn” (Am 7,12). Ông đã trả lời : “chính Chúa đã bắt lấy tôi, khi tôi đi theo sau đàn vật, và Chúa đã truyền cho tôi : “Hãy đi tuyên sấm cho Israel dân Ta” (7,15). Chúa Giêsu khi ấy “gọi Nhóm Mười Hai lại và bắt đầu sai đi từng hai người một” (Mc 6,7). Nhóm Mười Hai, họ là ai và được gọi như thế nào ?

Nhóm Mười Hai là những người thân cận được Chúa Giêsu chọn gọi, rèn luyện để mang lấy sứ mạng của Người sau khi Người chết và sống lại. Danh sách của Mười Hai ông “đứng đầu là ông Simon, cũng gọi là Phêrô, rồi đến Anrê anh của ông; sau đó là ông Giacôbê, con ông Dêbêdê và ông Gioan, em của ông; ông Philipphê và ông Bartôlômêô; ông Tôma và ông Matthêu, người thu thuế, ông Giacôbê con ông Anphê và ông Tađêô, ông Simon thuộc nhóm quá khích, và ông

Giuda Iscariốt, là chính kẻ nộp người” (Mt 10,1-4 Mc 3,14-19 Lc 6,12-14 Cv 1,12.3)

Chọn nhóm Mười Hai để tiếp nối sứ mệnh của mình là truyện quan trọng nên “Chúa Giêsu đi ra lên núi cầu nguyện, và Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa” (Lc 6,12). Trước khi đưa ra quyết định là những người thân cận của Chúa Giêsu họ chia sẻ sứ mệnh của Người (Mc 3,14-15 6,7-13 Mt 10,1.9-14 Lc 8,1.9,1). Vì vậy Chúa Giêsu đã phải dạy dỗ đào tạo họ (Mc 6,8-12 Mt 10,5-15 Lc 9,1-8) “Người còn ban cho các ông quyền trên các thần ô uế, để các ông trừ chúng và chữa hết các bệnh hoạn tật nguyền” (Mt 10,1 Mc 3,13-19 Lc 6,12-16 9,1-6) Chúa Giêsu còn hứa cho nhóm Mười Hai quyền xét xử trong ngày sau hết: “Khi Con Người ngự toà vinh hiển, anh em cũng sẽ được ngự trên mười hai tòa mà xét xử mười hai chi tộc Israel” (Mt 19,38 Lc 22,30)

Sau cái chết của Giuda, Nhóm Mười Hai trở thành Nhóm Mười Một (Mt 28,16 Mc 16,14 Lc 24, 9.33 Cv 2,14). Nhóm Mười Một trở thành Nhóm Mười Hai sau việc chọn lựa Matthia (Cv 1,26). Tác vụ của Nhóm Mười Hai, sau khi Chúa Giêsu sống lại còn được bổ túc bằng việc chỉ định các phó tế (Cv 6,2-3)

Nhóm Mười Hai thật quan trọng và chúng ta sẽ hiểu rõ hơn tầm quan trọng này khi hiểu ý nghĩa biểu trưng của con số Mười Hai. Thật vậy, Nhóm Mười Hai là nền tảng của Hội Thánh, như từ Mười Hai tổ phụ đã sinh ra Dân ưu tuyển (St 49,28 Ed 47,13 Mt 19,28 Lc 22,30) Mười Hai biểu trưng cho sự hoàn thành và liên kết với luật Chúa.

## LÒNG THƯƠNG CỦA CHÚA GIÊSU KITÔ

(CN 16 TN – B – Mc 6,30-34)

“Chúa Giêsu thấy đám người rất đông thì chạnh lòng thương, vì họ như bầy chiên không người chăn dắt” (Mc 6,34)

Thiên Chúa yêu thương dân Người như mục tử chăm sóc đoàn chiên. Các mục tử được Chúa sai đến đã làm tan tác đàn chiên Chúa, thì chính Người sẽ tập hợp lại Thiên Chúa sẽ “cho xuất hiện các mục tử để lãnh đạo chúng, họ sẽ chăn dắt chúng” (Gr 23,4)

Chúa Giêsu cùng các tông đồ “đến một nơi thanh vắng mà nghỉ ngơi đôi chút” (Mc 6,31), nhưng ra khỏi thuyền, “thấy một đám người rất đông thì chạnh lòng thương, vì họ như bầy chiên không người chăn dắt” (6,31). Lòng trắc ẩn và tình thương của Chúa Giêsu Kitô đối với những người nghèo hèn và túng thiếu, những lời Người nói và những việc Người làm cho thấy bản chất nhân từ khả ái của Thiên Chúa trở thành hành động.

Thật vậy, Thiên Chúa là Cha Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, “Người là Cha giàu lòng từ bi nhân ái, và là Thiên Chúa hằng sẵn sàng nâng đỡ ủi an” (2Cr 1,3 x. 2Sb 36,15 Tv 86,15 Hs 11,4.8-9 Lc 1,72-78 15,20). Chúng ta “mạnh dạn tiến lại gần Ngài Thiên Chúa là nguồn ân sủng, để được xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần” (Dt 4,16) vì chính Chúa Giêsu là vị Thượng Tế biết “cảm thương những nỗi yếu hèn của ta” (4,15) lòng thương của Chúa Giêsu Kitô là nền tảng cho niềm tin cậy của người Kitô hữu.

Chúa Giêsu đã tỏ lòng thương của Người khi nâng đỡ kẻ yếu : “cây lau bị giập, Người không đành bẻ gãy, tim đèn leo lét, chẳng nỗ tắt đi” (Mt 12,20 Is 42,3) và Người sẵn sàng đón nhận họ : “cứ để trẻ em đến Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Thiên Chúa là của những người giống như chúng” (Mc 10,14 Mt 19,14 Lc 18, 16). Người đã chữa lành người ốm đau bệnh tật, vì “Người chạnh lòng thương” họ (Mt 14, 14 Lc 9, 11 Mt 20,34 Mc 10,52 Lc 18,32-34 Lc 18,42-43 Mc 1,41 Mt 8,3 Lc 5,13 . 13,12). Người an ủi kẻ phiền muộn, như bà mẹ thành Naim (Lc 7,13), ông trưởng hội đường (8,50 Mc 5,36), bà Matta và Maria (Ga 11,33-35), Đức Maria và thánh Gioan (19,25-27) bà Maria Madalena (20,14-16). Người nuôi kẻ đói (Mt 15,32 Mc 8,2-3 Mt 14,16 Mc 6,37 Lc 9,13 Ga 6,5-6)

Chúa Giêsu còn tìm kiếm và tha thứ cho những tội nhân (Mt 9,36 Mc 6,34). Như mục tử chăn giữ đàn chiên (Is 40,11), Thiên Chúa “Đấng ngự trên trời, không muốn cho một ai trong những kẻ bé mọn này phải hư mất” (Mt 18,14) chia sẻ tâm tình của Chúa Cha, Chúa Giêsu muốn tụ họp mọi người lại “như gà mẹ tập họp gà con dưới cánh” (Mt 23,37-38 Lc 13,34-35 Lc 7,47-48 Ga 8,10-11). Lòng thương của Chúa Giêsu muốn mang lại sự nghỉ ngơi cho những người nặng gánh và bị bỏ rơi (Mt 11,28-29 Mc 1,40-41 Mt 8,1-3 Lc 5, 12-13 . 11,46. 15,1-2 . 17,12-14)

Lòng thương của Chúa Giêsu là mẫu mực cho các kitô hữu bước theo (Lc 10,36-37 Ga 11,34. 17,19 Pl 2,1)

## QUAN PHÒNG

(CN 17 TN – B – Ga 6,1-15)

“Ta mua đâu ra bánh cho họ ăn đây ... Người nói thế để thử ông, chứ Người biết mình sắp làm gì rồi” (Ga 6,5-6)

Đang có nạn đói, Êlisa đã phân phát hai mươi chiếc bánh lúa mạch cho cả trăm người ăn mà vẫn còn dư (2V 4,42-44). Với năm chiếc bánh và hai con cá Chúa Giêsu cũng đã nuôi hơn 5000 người mà bánh vụn thu lại còn được 12 thúng ! (Ga 6,1-15). Thiên Chúa quan phòng chẳng để con cái Người phải chết đói.

Quan phòng, từ ngữ không có tiếng tương đương trong ngôn ngữ Hi- Bá. Từ ngữ Hilạp tương đương là prenoia, nhưng chỉ được dùng hai lần (Kn 14,3 17,2) để chỉ sự quan phòng của Thiên Chúa . Thiên Chúa cung ứng những thứ cần thiết cho mọi thụ tạo, nhưng chăm sóc đặc biệt dân riêng Người.

Được Isaac hỏi về của lễ để dâng, Abraham nói Thiên Chúa sẽ liệu (St 22,8). Khi có con cừu mắc sừng được dùng để thế mạng cho Isaac, Abraham đã đặt tên cho nơi dâng lễ là núi “Đức Chúa sẽ liệu” (Yahweh Yireh) (St 22,14), có nghĩa là Thiên Chúa Quan Phòng. Thiên Chúa cung ứng những thứ cần thiết cho mọi thụ tạo :

- cho trái đất được mưa móc để trở thành phì nhiêu, cây trái xanh tốt và loài vật sinh sống (Tv 65,9-13 Đnl 11,12.14-15 Tv 68,9 .104,10-18 . 135, 7. 147,8 Ed 34,26-29).
- cho loài vật được thoả thuê (Tv 145,16 G 38,41 Tv 104,27-28 . 147,9 Mt 6,26 Lc 12,24)

- cho mọi dân được mùa màng sung túc, được no lòng, được an vui (Cv 14,17 1Sb 29,12 Tv 68,5 Mt5,45)
- cho người nghèo khổ được bệnh vực chở che (Tv 140,13 1Sm 2,8 Tv 35,10.145,13-14 146,7-9 Is 25,4)

Những lúc đặc biệt được Chúa quan phòng dự liệu để :

- dân riêng của Chúa có thức ăn nước uống trong hoang địa (Xh 16,13-18 Ds 11,4-9.31-32)
- Êlia có bánh ăn (1V 17,6.16.19,5-8)
- Êlisa cho cả trăm người ăn chỉ với 5 chiếc bánh lúa mạch (2V 4,42-44)
- Chúa Giêsu cho trên 5000 người ăn chỉ với 5 chiếc bánh và hai con cá (Mt 14,15-21 Mc 6,35-44 Lc 9, 12-17 Ga 6,5-13) và cho 4000 người ăn chỉ với 7 chiếc bánh và ít con cá nhỏ (Mt 15,32-38 Mc 8,1-10)

Thiên Chúa quan phòng đặc biệt dân của Người :

- Người cung ứng cho họ những gì cần thiết (Pl 4,19 Đnl 2,7 Tv 68,10.111,5 Mt 6,25-33 Lc 12,22-31)
- Người bảo vệ họ (Tv 5,12 St 28,15 Đnl 33,27 1Sm 2,9 Tv 91,9-13 121, 3-8 Is 46,4 Pl 4,7 1Pr 1,5 Gđ 24 Kh 3,10)
- Người dự liệu cho họ mọi thứ cần yếu (2Pr 1,3 1Cr 3,21-23 Cl 2,10)

Những ví dụ điển hình về sự quan phòng của Thiên Chúa đối với dân Người : sự an toàn nơi đất hứa (2Sm 7,10 1Sb 17,9), niềm an ủi khi sầu muộn (Is 61,3), cuộc tái thiết sau buổi lưu đày (Gr 33,6-9), một con đường để thoát khỏi cơn cám dỗ (1Cr 10,13).

Sự chăm sóc quan phòng của Chúa giải thoát khỏi ưu phiền (Mt 6,31-33 Lc 12,29-31) Chúa thật rộng lượng (Lc 6,38. 1Sb 29,14 2Cr 9,6-11 Pl 4,18), nhưng cũng đòi ta phải trung thành (Rm 2,4 Is 5,1-2 Hs 10,1-2. 11,1-4)

## CUỘC BIẾN HÌNH CỦA CHÚA GIÊSU

(CN 18 TN B – Mc 9,2-10)

“... Người biến đổi hình dạng trước mặt các ông” (Mc 9,2-10)

Chúa Giêsu Kitô biến đổi hình dạng nên vinh quang trước mặt các tông đồ vào một thời gian vắng, trước khi hiển mình chịu chết. Lúc ấy, các tông đồ đã được chứng kiến trọn nét uy nghi rạng rỡ của Ngài. Việc Chúa Giêsu biến hình nên rực rỡ làm cho các tông đồ gần gũi với ý tưởng Chúa Giêsu Kitô chính là Con Thiên Chúa.

Vinh quang của Chúa Giêsu được mặc khải trong cuộc biến hình. Chính Ngài đã chuẩn bị cho việc mặc khải này, khi “người đem các ông Phêrô, Giacôbê và Gioan đi theo mình. Người đưa riêng các ông ra một chỗ” (Mc 9,2 Lc 9,28 Mt 17,4). Chúa Giêsu biến đổi hình dạng một cách hữu hình : “Y phục Người trở nên rực rỡ, trắng tinh, không có thợ giặt nào ở trần gian giặt trắng được như vậy” (Mc 9,3) Thánh Matthêu và Luca ghi thêm sự biến đổi trên chính con người Chúa Giêsu : “Dung nhan Người chói lọi như mặt trời” (Mt 17,2 Lc 9,29). Cái nhìn thoáng qua về vinh quang của Chúa Giêsu Kitô khi Người biến hình là cái nhìn hữu hình bởi

vì vinh quang ấy đã biểu hiện ra bên ngoài. Các tông đồ là những chứng nhân tận mắt sự kiện này (Mt 17,6 Mc 9,9 Lc 9,32 Ga 1,14 2Pr 1,16)

Ông Môsê và ông Êlia xuất hiện trong cuộc biến hình của Chúa Giêsu (Mc 9,4 Lc 9, 30-31 Mt 17,3). Các Ngài “Nói về cuộc xuất hành Người sắp hoàn thành tại Giêrusalem” (Lc 9,31) “Cuộc Xuất Hành” nói tới đây quy về cái chết của Chúa Giêsu.

Trong cuộc biến hình của Chúa Giêsu còn có tiếng nói của Chúa Cha. “Đây là Con Ta, Người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người” (Mc 9,7 Mt 17,5 Lc 9, 35) Tiếng của Chúa Cha minh định sứ vụ của Chúa Giêsu như đã được minh định ngay từ buổi đầu khi Người công khai thi hành sứ vụ (Mt 3,17 Mc 1,11 Lc 3, 22 2Pr 1,17-18), kèm theo cả lời khích lệ “hãy vâng nghe lời Người” khi sứ vụ của Chúa Giêsu đã đến giai đoạn quyết định.

Các tông đồ đã có những phản ứng khác nhau khi Chúa Giêsu thay hình đổi dạng trước mắt các ông. Trước hết các ông rất phấn khởi. Phêrô muốn dựng ba cái lều cho Chúa Giêsu, ông Môsê và ông Êlia (Mc 9,5 Mt 17,4 Lc 9, 33). Các ông kinh hoàng (Mt 17,6 Mc 9,6 Lc 9,34). Các ông thắc mắc và bối rối (Mt 17,10 Mc 9,10-11). Các ông giữ kín điều đã thấy và nghe được (Lc 9,36 Mt 17,9-10 Mc 9,9-10) và phải có thái độ này vì phải đợi vinh quang trọn đầy của Chúa Giêsu Kitô phục sinh.

## BÁNH

(CN 19 TN B – Ga 6,41-51)

“Chúa Giêsu nói : Tôi là bánh từ trời xuống” (Ga 6,41)

Thành phần căn bản của bữa ăn thời kinh thánh là bánh. Bánh thánh được thường xuyên thay thế tại nơi thánh, tại Nhà Tạm hay Đền Thờ. Chúa Giêsu tự nhận mình là “Bánh trường sinh” (Ga 6,35) “Bánh từ trời xuống” (6,41)

Bánh là thành phần căn bản của bữa ăn, nên chúng ta cầu nguyện : “xin Cha cho chúng con lương thực hằng ngày” (panem nostrum quotidianum) ,11 Lc 11,3 x. St 14,18). Abraham mang bánh tiếp ba vị khách (St 18,5). Esau bán quyền trưởng nam cho Jacob cũng chỉ vì cần bánh ăn (St 25,34 x. 27,17). Giuse gửi bánh cho cha là Jacob dùng trên đường sang Ai-cập (St 45,23). Dân Chúa được hứa sẽ có bánh ăn không hạn chế nơi miền đất họ ở (Đnl 8,7-9 23,5). Gêđeon xin bánh cho đội ngũ của ông (Tl 8,5 Tl 19, 19 1Sm 2,36 12,17 21,2-3). Nabal chối không cung cấp bánh cho các người của Đavít 1Sm 25,7-11). Bà góa tại Sarepta nuôi Êlia và được thưởng công (1V 17,7-16)... Khẩu phần cho Giêrêmia khi bị giam tù mỗi ngày được một ổ bánh (Gr 37,21x. 42,14. 5,6) bánh ăn trở thành cơ cho quý cảm đồ Chúa Giêsu (Lc 4,3-4)

Bữa ăn chỉ có bánh là dấu chỉ của sự túng thiếu (1V 22,27 2Sb 18,26 Cn 6,26 Ac 1,11 2,12 4,4).

Có nhiều loại bánh như bánh không men (Xh 22,39 12,8.14-20 13,3-7) hoặc Manna (Xh 14,31 16,4-8 11-12 14-19 Nkm 9,15 Tv 78,23 -25 105,40)

Những quà tặng bằng bánh : Giuse gửi biếu cha là Jacob (St 45,23) tiên tri Samuel báo sẽ có người dâng bánh cho Saulê (1Sm 10,3-4); Giessê sai Đavít đem



bánh dâng vua Saulê (1Sm 16,20) bà Abigail dâng bánh cho vua Đavít (1Sm 25,18) Vua Đavít phát cho mỗi người một cái bánh ngọt (2Sm 6,19) khi rước Hòm Bia về Giêrusalem; Siba tặng bánh cho Đavít khi vua trốn chạy Absalon tạo phản (2V 16,1-2) Vợ của Giêrêboam dâng bánh cho tiên tri Ahias để hỏi về số phận của hoàng tử Abia (1V 16,3) một người tặng cho Êlisêô “20 chiếc bánh lúa mạch” (2V 4,42) và cả trăm người ăn no ! ...

Bánh được dâng làm lễ vật (Lv 7,11-14 Xh 29,32-34 Lv 2,11 8,31-32 23,20 Ds 6,17.20 Tl 6,19-21)

Bánh tiên được đặt lên bàn trước nhan Thiên Chúa (Lc 24,5-8) gọi là bánh tiên (Xh 25,23-30 35,10-13 39,36 40,22-23 Ds 4,7). Bánh tiên lúc được thay ra, chỉ các tư tế được dùng, nhưng vua Đavít và các thuộc hạ cũng đã dùng (1Sm 21,1-6) Chúa Giêsu đã lấy sự kiện này biện minh cho các tông đồ bứt mấy bông lúa ăn cho đỡ đói lúc đi đường vào ngày sabbat (Mt 12,1-8 Mc 2,23-28 Lc 6,1-5)

Chúa Giêsu cho biết Người chính là bánh trường sinh (Ga 6,15-35. 41-59). Người đã làm phép lạ hóa bánh ra nhiều (Mt 14,13-21 Mc 6,32-44 Lc 9, 10-17 Ga 6,1-13 Mt 15,32-38 Mc 8,1-10).

Việc bẻ bánh là biểu tượng cho cái chết của Chúa Giêsu Kitô (Mt 26,28-29 Mc 14,22-25 Lc 22,17-20 1Cr 11,24-25 Lc 24, 28-35 Cv 2,42.46 20,6-7.11 27,35 1Cr 10,16-17)

### THÂN THỂ ĐỨC KITÔ (CN 20 TN – B – Ga 6,51-58)

Đức Giêsu nói : “Thịt tôi thật là của ăn, máu tôi thật là của uống” (Ga 6,55) Sách Châm Ngôn mời gọi “Hãy đến mà ăn bánh của ta, và uống rượu do ta pha chế” (Cn 9,5). Chúa Giêsu tự giới thiệu “Tôi là bánh hằng sống từ trời xuống. Ai ăn bánh này sẽ được sống muôn đời. Và bánh tôi ban tặng chính là thịt tôi đây, để cho thế gian được sống” (Ga 6,51). Thính giả trực tiếp nghe Chúa Giêsu đã thắc mắc : “làm sao ông này có thể cho chúng ta ăn thịt ông ta được” (6,52). Trước vấn nạn này, Người đã xác quyết : “Thịt tôi thật là của ăn và máu tôi thật là của uống” (Ga 6,55).

Chúa Giêsu đã nói về thân thể của Người, từ nay có thể dẫn chúng ta tới ý tưởng về Giáo Hội là thân thể mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Xác quyết mà Chúa nói trong diễn từ về bánh ban sự sống nhắm đến thân xác thể lý của Người. Thân thể này đã bị sâu xé trên thánh giá để mang lại ơn cứu chuộc và trở nên lương thực nuôi dưỡng cho chúng ta được sống đời đời.

Là một ngôi vị Thiên Chúa, Chúa Giêsu đã có từ lúc khởi đầu (Ga 1,1) “nhưng khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con mình tới sinh làm con một người đàn bà ... “ (Gl 4,4). “Ngôi Lời đã trở nên người phàm (1Tm 3,16) Chúa Giêsu, Ngôi Lời Thiên Chúa đã có một thân thể như chúng ta.

Với một thân thể như chúng ta, Chúa Giêsu thực sự có những nhu cầu. Chúa Giêsu đã cảm thấy đói (Mc 11,12 Mt 21,18 Lc 4,2 Mt 4,2) thấy khát (Ga 4,6 19,28). Trước nguy hiểm, thân thể Chúa Giêsu cũng bị đe dọa như mọi người,

chẳng hạn như con thuyền chở Người và các môn đệ bị bão đánh (Mt 8,23 Mc 4,38 Lc 8,23)

Thân thể của Chúa Giêsu đã từng bị khổ (Mt 27,26 Mc 15,15 Ga 19,1) vì bị đau khổ như vậy, Người cũng “xao xuyến bồi hồi” đến nỗi “mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất (Lc 22,44)... Cuối cùng Chúa Giêsu đã chết thật sự (Ga 19,31-37 Mt 27,35 Mc 15,24-25), được mai táng trong mồ (Mc 16, 43-46 Mt 27, 58-60 Lc 23, 52-53 Ga 19,38-40). Nhưng thân thể Chúa đã phục sinh (Lc 24,37-43 Mt 28,9 Ga 20,19-20.27)

Đặc biệt thân thể của Chúa Giêsu đã được trao ban dưới hình thức bí tích trong bữa ăn sau hết, để nên của ăn của uống nuôi sự sống đời đời (Ga 6,57-58)

## TIN, NHẬN CHÚA GIÊSU

(CN 21 TN B – Ga 6,69)

“Chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Ga 6,69)

Vừa định cư tại Đất Hứa, dân Chúa đã bị cám dỗ chạy theo các thần ngoại lai, khiến Giosuê phải mời gọi họ lập lại giao ước với Thiên Chúa. Dân đã đáp lời (Gs 24). Sau bài giảng về Bánh ban sự sống, nhiều người thấy chói tai và bỏ đi, Phêrô xác quyết niềm tin của mình và của các môn đệ trung thành : “Chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Ga 6,69). Đây là lời tuyên cáo công khai niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô, chân nhận cả thân tính và quyền lực làm chúa của Ngài. Không có niềm tin như vậy, cũng không thể được cứu độ.

Tuyên xưng niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô là điều cần thiết để được cứu độ (Rm 10,9-10). Chính Chúa Giêsu đã nói : “phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ thì Thầy cũng sẽ tuyên nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời ...” (Mt 10,32-33 Mc 8,38 Lc 12,8-9 2Tm 2,12 1Ga 2,23 4,15)

Việc tuyên xưng “Đức Giêsu là Chúa” chỉ có thể có được nhờ Chúa Thánh Thần (1Cr 12,3).

Việc tuyên xưng này sẽ mang lại những hệ quả cụ thể. Đó là phép rửa (Cv 2,38-41 8,8 22,16). Đó là sự thay đổi nếp sống (Mt 7,21-23) “tránh xa điều bất chính” (2Tm 2,19) như đã xảy ra đối với Giakêu (Lc 19,8-9), sẵn sàng “trong cuộc thi đấu cao đẹp vì đức tin, giành cho được sự sống đời đời” (1Tm 6,12). Đó là “đi trong ánh sáng” (1Ga 1,7), là “giữ các giới răn của Chúa” (2,7). Tuyên xưng niềm tin vào Chúa Giêsu có thể bị bách hại, như bị “trục xuất khỏi hội đường” (Ga 9,22 12,42-43 2Tm 3,12).

Đáng ngạc nhiên là qũy dữ đã tuyên xưng thân tính của Chúa Giêsu. Bị trục xuất khỏi nhiều người, chúng la lên rằng : “ông là Con Thiên Chúa” (Lc 4,41). Hoặc trước uy quyền của Chúa Giêsu, chúng cũng lớn tiếng phản kháng : “Hỡi con Thiên Chúa, truyện chúng tôi can gì đến ông” (Mt 8,29 Mc 5,7 Lc 8,28).

Có những lời tuyên xưng đức tin đáng ghi nhớ. Ông Nathanael nói : “Thưa Thầy, chính Thầy là Con Thiên Chúa, chính Thầy là Vua Israel” (Ga 1,49). Sau khi sóng bão bị dẹp yên, các tông đồ tuyên xưng : “quả thật Ngài là Con Thiên

Chúa” (Mt 14,23). Đặc biệt khi đáp lại vấn nạn của chính Chúa Giêsu “còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?”, Phêrô đã lên tiếng thay cho các bạn : “Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16,15-16 Mc 8,29 Lc 9,20). Sau bài giảng, Phêrô cũng tuyên xưng như vậy (Ga 6,69). Martha thưa : “Con vẫn tin Thầy là Đức Kitô Con Thiên Chúa hằng sống, Đấng phải đến trong thế gian” (Ga 11,29). Riêng Tôma đã tuyên xưng khi gặp Đức Kitô phục sinh : “Lạy Chúa của con, Lạy Thiên Chúa của con” (Ga 20,28).

Cuối cùng mọi loài phải tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa (Pl 2,9-11). Thật tai hại nếu từ chối không tin vào Ngài (Mt 10,33 Lc 12,9 2Tm 2,12)

### LUẬT LỆ, CHỮ VIẾT VÀ TINH THẦN (CN 22 TN B – Mc 7,1-8a 14-15.21-23)

“Các ông gạt bỏ điều răn của Thiên Chúa, mà duy trì truyền thống của người phàm” Mc 7,8)

Trước khi tiến vào Đất Hứa, nhà lập luật Môsê dặn dò dân Chúa : “đừng thêm gì vào lời tôi truyền cho anh em, cũng đừng bớt gì, nhưng phải giữ những mệnh lệnh của Thiên Chúa” (Đnl 4,2). Thời Chúa Giêsu, những người Pharisêu và kinh sư lại “gạt bỏ điều răn của Thiên Chúa, mà duy trì truyền thống của người phàm” (Mc 7,8)

Sự gắn kết chặt chẽ với chữ viết của luật lệ thường che dấu tính giả hình và chối bỏ tinh thần của luật lệ, chính xác là phải lấy Thiên Chúa vào trọng tâm đời sống và phải đặt người khác lên trên bản thân.

Coi trọng chữ viết, người ta lo giữ một vài phần của lề luật như việc phải rửa tay trước khi ăn, rửa rau, rửa chén bát, bình lọ và các đồ đồng (Mc 7,1-8 Mt 15,1-2) Isaiia nói rõ : “chúng chỉ kính sợ Ta theo lệnh của người phàm, nhưng đó chỉ là sáo ngữ” (Is 29,13). Thực sự, Thiên Chúa “muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế” (Mt 19,10-13 Mc 2,15-17 Lc 5,29-32). Người ta có thể giả hình khi nhắm tuân giữ luật lệ : “các ông thật khéo coi thường điều răn của Thiên Chúa để nắm giữ truyền thống của các ông” (Mc 7,9-13 Mt 15,3-6). Những thí dụ điển hình về sự giả dối này, chính Chúa Giêsu và thánh Phaolô đã phanh phui ra không phải là ít (Mt 23,1-3 Lc 11,37-52 18,9-14 Ga 9,1-16 Rm 2,17-24).

Tổ giáo những giả hình của các người pharisêu và kinh sư Chúa Giêsu cũng đưa ra các chỉ dẫn dài và cụ thể để hiểu tinh thần của luật lệ (Mt 5,17 – 6,15). Tuân giữ luật lệ Thiên Chúa, tất nhiên phải biết bỏ mình, quy hướng về Thiên Chúa nhờ trọng tâm của đời sống. Đó là điều Chúa Giêsu khuyên người thanh niên giàu có khi anh tỏ ý muốn tìm kiếm sự trọn lành (Mt 19,16-30 Mc 10,17-22 Lc 18,18-30).

Thực sự lề luật Thiên Chúa ban hành là vì hạnh phúc của loài người chúng ta. Đây là điều Chúa Giêsu nói về ý nghĩa luật nghỉ việc ngày sabbát (Mc 2,23 – 3,6 Mt 2,1-14 Lc 6,1-11 Mc 1,21-28 Lc 4,31-37 14,1-6 Ga 5,1-16 7,21-24). Vì tình yêu là tinh thần của luật lệ, nên Chúa Giêsu đã có thái độ đặc biệt khi đối diện với người phụ nữ bị bắt quả tang vì phạm tội ngoại tình (Ga 8,2-11). Điều răn trọng nhất là luật yêu thương (Mt 22,34-40 Mc 12,28-34)

Tâm quan trọng của sự tuân phục và những thái độ đúng đắn nặng ký hơn những hành động bên ngoài (Rm 5,25-29 x. 1Sm 15,22-23 Tv 51, 16-17 Cn 21,3 Is 1,11-17 Gr 7,21-23 Hs 6,6 Am 5,21-24 Gl 3,1-5)

Tinh thần của luật lệ hóa thân vào giao ước mới (2Cr 3,3-6 Ga 4,19-24 Rm 7,4-6 8,1-11 1Cr 15,45-46 2Cr 13,13-18 Gl 5,18 Dt 7,18-22 8,1-13 Gr 31, 31-34).

## Điếc

(CN 23 TN B – Mc 7,31-37)

“Người ta đem một người vừa điếc vừa ngọng đến với Chúa Giêsu” (Mc 7,31-37)

Điếc là tình trạng của một người hoàn toàn hoặc một phần nào không nghe được. Từ điếc có thể dùng để diễn tả những giới hạn về thể lý hay thiêng liêng. Nó thường được dùng để mô tả sự nổi loạn thiêng liêng.

Thiên Chúa làm chủ sự điếc lác : “ .. Ai làm cho con người phải câm phải điếc ... há chẳng phải là Ta, Thiên Chúa, đó sao ?” (Xh 4,11). “Tai để nghe, mắt để thấy, Thiên Chúa làm nên cả hai” (Cn 20,12). Ông Dacaria trở thành điếc câm vì không tin vào Lời Chúa (Lc 1,20-62)

Có sự điếc lác thể lý và ta phải biết cảm thương : “người không được rửa người điếc” (Lv 19,14). Bệnh điếc có thể do quỷ dữ gây nên (Mc 9,25) và được Chúa Giêsu chữa lành (Mt 11,5 Lc 7,22 Mc 7,32-37). Tại núi cây Dầu, Chúa Giêsu chữa lành cho người bị thánh Phêrô chém đứt tai (Lc 22,49-51).

Có những tình trạng điếc lác thiêng liêng. Trước hết Thiên Chúa bịt tai trước đám đông nổi loạn : “anh em đã khóc lóc trước mặt Thiên Chúa, nhưng Thiên Chúa đã không nghe tiếng anh em và không để tai nghe anh em” (Đnl 1,45). Dĩ nhiên ta phải kêu cầu Chúa “xin đừng giả điếc làm ngo” (Tv 28,1) “xin Ngài lắng tai nghe” (Tv 39,13). Trong khi đó, trước quân thù, “phần con như kẻ điếc chẳng nghe gì” (Tv 38,13).

Loài người nổi loạn “coi thường lời Thiên Chúa như một trò cười không hứng thú gì” (Gr 6,10), “chúng sẽ lấy tay bịt miệng, tai chúng sẽ ù đi” (Mca 7,16), “chúng đã làm cho tai chúng ra nặng để khỏi phải nghe” (Dcr 7,11). Bưng tai bịt mắt trước lời Chúa, quả là đàn độn và mất ơn cứu độ (Is 6,10). Có thể người ta nghe lời Chúa, “nhưng không ai trong bọn chúng đem ra thực hành” (Ed 33,32). Và “ai bưng tai chẳng muốn nghe lẽ luật, cả “lời nó nguyện cầu cũng đáng ghê tởm” (Cn 28,9). Tội lỗi đã gây nên sự điếc lác thiêng liêng tai hại (Mt 13,15 Mc 4,9-12 Lc 8,10 Ga 12,40 Cv 28,26-27 2Tm 4,4). Nhưng Thiên Chúa vẫn muốn khơi dậy sự sống cho nhân loại đã chết (Ed 37,4), ai có tai thì hãy nghe điều Thần Khí nói với Hội Thánh : Ai thắng, Ta sẽ cho ăn quả cây sự sống” (Kh 2,7).

Các ngẫu thần dĩ nhiên “không nhìn, không nghe, không nói” (Đnl 4,28 Tv 115,6 135, 17 Đn 5,23) Kh 9,20), không thể đặt niềm tin vào chúng được. Trái lại, tin vào Thiên Chúa, chúng ta sẽ được giải thoát khỏi sự điếc lác, nếu biết hồi cải (Is 29,18 35,5 42,18), nhất là khi Chúa Giêsu đến (Lc 7,22 Mt 11,5). Người đã thực hiện việc chữa lành người điếc, ngọng (Mc 7,31-51) như các tiên tri đã báo trước (Is 35,4-7).

## CON NGƯỜI

(CN 24 TN B – Mc 8,27-35)

“Con Người phải chịu nhiều đau khổ ...” (Mc 8,31)

“Con Người” là danh hiệu Chúa Giêsu thích dùng cho mình. Từ ngữ này hướng tới nhân tính và thân phận tội tở của Đức Kitô. Nhưng từ ngữ này cũng phản ánh thị kiến của tiên tri Daniel về con người đến để phán xét và với uy quyền.

Chúa Giêsu Kitô là Con Người trong nhân tính của Người. Cựu Ước dùng từ “Con Người” với nghĩa phạm nhân : “Thiên Chúa không phải là phạm nhân” (Ds 23,19 x. G 25,6 35,8 Tv 8,4 80,17 144,3). Chính Chúa Giêsu tự mô tả là Con Người để nhấn mạnh nhân tính của mình : “Con Người không có chỗ tựa đầu” (Mt 8,20 Lc 9, 58 x. Mt 18,9 Lc 9,58 Mt 11,19 Lc 7, 34 Mt 16, 13.15 Lc 6,22 Ga 9,35). Có lẽ vì thế mà lời nói xúc phạm đến Con Người có thể tha thứ được (Mt 12,32 Lc 12,10)

Như là Con Người, Chúa Giêsu thực hiện sứ vụ tiên tri : Danh xưng này đã được gán cho Êdêkiel (Ed 2,1). Chúa Giêsu rao giảng lời Chúa (Mt 13,37-43). Ngài ban lời mang lại sự sống đời đời (Ga 6,27.53.63.68)

Như là Con Người, Chúa Giêsu chịu đau khổ và chịu chết : Người tự hiến làm tội tở phục vụ (Mt 20,28 Mc 10,45). Người đã đến để chịu đau khổ, chịu chết và được phục sinh (Lc 24,6-7) như dấu chỉ Giôna (Mt 12,40 Lc 11,30) và cuộc biến hình (Mt 17,9 Mc 9,9) đã báo trước. Chính Chúa Giêsu đã từng báo trước cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Ngài (Mt 17,22-23 Mc 9,31 Lc 9,44 Mt 20,18 Mc 10,33 Lc 18,31 Mt 26,24 Lc 22,22 Mc 8,31 Lc 9,22 Ga 3,14 12,33 13,31)

Như là Con Người Chúa Giêsu thực hiện uy quyền thống trị của mình. Thị kiến của Daniel về Con Người cung cấp bối cảnh chính để hiểu được ý tưởng của Chúa Giêsu khi Người tự nhận là Con Người (Đn 7,13-14) Ngài dùng danh hiệu này để nhấn mạnh uy quyền và sự thống trị của Ngài, đồng thời cũng cho thấy vinh quang Ngài đạt được phải qua sự hạ nhục trên thánh giá. “Con Người có nghĩa là con của Adam (St 1,26). Như là Con Người, Chúa Giêsu thừa kế quyền thống trị trên các tạo thành mà Adam đánh mất khi phạm tội (Rm 5,14 1Cr 15,45 Dt 2,6-9 Tv 8,4-6). Chúa Giêsu có quyền dưới đất, có quyền tha tội (Mt 9,6 Mc 2,10 Lc 5,24) làm chủ ngày Sabbat (Mt 12,8 Mc 2,28 Lc 6,5). Nay Ngài đã lên trời vinh quang (Cv 7,55-56 Kh 1,13 14,14). Ngài sẽ trở lại để phán xét và cai quản mọi sự (Mt 16,27-28 Mc 8,38 Lc 9,26 Mt 10,23 24,20 Mc 13,26 Lc 21,27). Ngài sẽ lại đến, nhưng thời điểm thì không được tiết lộ (Mt 24,44 Mc 12,40). Trước mặt thượng Hội đồng, Chúa Giêsu nói rõ việc “Con Người” đến (Mt 26,64 Mc 14,62 Lc 22,69 Lc 18,8 21,36 Ga 5,27).

## ĐAU KHỔ CỦA CHÚA GIÊSU KITÔ

(CN 25 TN B – Mc 9,30-37)

“Con Người sẽ bị nộp vào tay người đời, họ sẽ giết chết Người ...” (Mc 9,32)

Chúa Giêsu Kitô đã chịu khổ vì dân mình. Cuộc khổ nạn của Người cho thấy thực chất của nhân tính nơi Người lẫn tình yêu của Người đối với nhân loại. Những khổ đau này đạt tới đỉnh điểm là những đau khổ Chúa Giêsu phải chịu trên thánh giá, qua đó Thiên Chúa đã chọn để cứu chuộc thế giới.

Cựu Ước đã tiên báo cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, nên Tân Ước thường hay trích dẫn Cựu Ước (Lc 24,25-26. 46 Cv 3,18 17,2-3 26, 22-23 1Cr 15,3). Có những kiểu mẫu và hình bóng báo trước cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu Kitô, như việc hiến tế Isaac (St 22,28,13) Con chiên Vượt qua (Xh 22,22-23), Đavít liều mạng để cứu dân (1Sm 12,5). Người bị khổ vì chính người thân (2Sm 16,11-12), bởi kẻ quyền thế tham lam (1V 21,15 Tv 55,12-14 57,14).

Có những lời nói tiên báo về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu Kitô. Chúa Cứu Thế sẽ bị cám dỗ “cắn vào gót” (St 3,15). “Vua chúa trần gian cùng nổi dậy ... chống lại Đấng NGười đã xúc dầu phong vương” (Tv 2,2). Cuộc khổ nạn thật khủng khiếp (x. Tv 22,7-8.12.18 69,21 Is 53,3-12).

Chính Chúa Giêsu đã nói trước về cuộc khổ nạn của mình. Ba lần Chúa Giêsu đã báo trước như thế : lần 1 (Mt 16,21 Mc 8, 31-33 Lc 9,22) lần 2 (Mt 17,12 Mc 9,31 Lc 9,13) và lần 3 (Mt 20,18-19 Mc 10,32-34 Lc 18,31-34). “Con NGười phải chịu khổ nhiều và bị thế hệ này loại bỏ” (Lc 17,25). Dự ngôn những tá điền sát nhân (Lc 20,13-15 Mt 21, 33-46 Mc 12,1-12). Có thể so sánh với trường hợp của Nabot (1V 21). Biết và báo trước, nhưng Chúa Giêsu không hề tìm tránh né cuộc khổ nạn (Lc 22,15 Ga 12,27)

Trong cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu nổi lên có khía cạnh : sự thù hận của Satan (St 3,15). Khi Chúa bị cám dỗ (Mt 4,1-9 Mc 1,12-13 Ga 4,1-13), khi Phêrô ngăn cản (Mt 16,23). Khi nó nhập vào Giuđa Iscariốt (Lc 22,3 Ga 13,27). Dù nó sẽ chẳng làm được gì (Ga 14,30 Kh 12,4-9) Chúa Giêsu chịu khổ vì bị thế gian ghét bỏ (Ga 7,7 Mt 2,13 Ga 1,10 3,20 15,18-20 1Cr 2,8). Người bị chính dân mình chối bỏ (Ga 1,11 Is 53,1.. Mt 23,37 Lc 19,41-42 24,20 Ga 18,40 Cv 2,36 3,13 4,10 1Tx 2,14-15). Khuyết điểm của các môn đệ cũng lộ rõ. Họ bỏ Chúa Giêsu mà chạy trốn (Mc 10,50 Mt 26,56 Mt 16,22 26,40 74-75 Lc 18,34). Giuđa còn đi đến chỗ phản bội (Mt 26,23 Mc 14,18 Lc 22,21 Ga 13,21) Thiên Chúa xét xử con mình vì tội lỗi thế gian (Mt 27,46 Mc 15,34 Tv 22,1 Is 53,5-6.10 Lc 22,42 Rm 3,25-26 2Cr 5,21 Gl 3,13 Dt 2,10.14 1Pr 2,24)

Còn Chúa Giêsu Kitô Người tự nguyện chịu khổ nạn (Mt 26,42 Mc 14,36 Lc 22,42 Is 53,7-11 Lc 23,46 Dt 5,7-8 12,2 1Pr 2,23) để vâng ý Chúa Cha, phục vụ ơn cứu độ cho muôn người (Mt 14,24).

## BAO DUNG

(CN 26 TN B – Mc 9, 38-43.45.47-48)

“Ai không chống lại ta là ủng hộ chúng ta” (Mc 9,40)

Sách Dân số ghi lại sự kiện hai ông Endát và Mêđát, dù được ghi trong sách các kỳ mục nhưng không đến lễ mà vẫn phát ngôn ở trong trại. Người ta báo cáo sự việc với ông Môsê. Nhưng ông Môsê thật bao dung khi nói : “Anh ghen dùm tôi à, phải chăng toàn dân đều là tiên tri” (Ds 11,29). Khi ông Gioan báo cáo : “Có

người nhân danh Thầy mà trừ quỷ, chúng con đã cố ngăn cản, vì người ấy không theo chúng ta” Chúa Giêsu thật bao dung khi nói : “Đừng ngăn cản ... Ai không chống lại chúng ta, là ủng hộ chúng ta” (Mc 9,38-40). Lòng bao dung là đức tính phải có để chấp nhận mọi người và quan điểm của họ. Thánh Kinh nhấn mạnh rằng các tín hữu phải giữ mối quan hệ sống động để nắm giữ và bảo vệ sự thật.

Hẳn nhiên là có những giới hạn của lòng bao dung. Sự dữ không thể được khoan nhượng vì mắt Chúa thật tinh tường “không thể chịu được điều gian ác” (Kb 1,13). Tính hung ác cũng thể được bao che (Kh 2,2). Những lầm lạc trầm trọng về giáo thuyết không được khoan thứ (Gl 2,4 : về sự tự do trong Đức Kitô; 2Tx 2,1-3 : về ngày Chúa đến; 2Tm 6,3-5 : về giáo lý khác với lời dạy của Chúa Giêsu; 2Tm 4,3-4 : về những tà thuyết dẫn tới diệt vong) Tội về tính dục có thể không tha thứ được (1Cr 5,1-5 6,18-20 Kh 2,14). Tội thờ ngẫu tượng cũng có thể không được khoan dung (1Cr 10,7 1Ga 5,21).

Chúa Giêsu Kitô đã nêu gương bao dung, trái ngược với sự bất khoan dung của các môn đệ. Chẳng hạn khi người ta dẫn trẻ em đến với Chúa Giêsu để được chúc lành, các môn đệ la rầy, còn Chúa thì “bực mình nói với các ông : cứ để trẻ em đến với Thầy...” (Mc 10,13-14 Mt 19,13-14 Lc 18,15-16). Chúa lại còn tự đồng hóa mình các em bé (Mc 9,37) và coi các em như kiểu mẫu để được hạnh phúc nước trời (Mt 18,3). Khi các tông đồ muốn ngăn cản người không thuộc nhóm mà lại nhân danh Thầy mình mà trừ quỷ, Chúa Giêsu lại ngăn các ông (Mc 9, 38-40 Lc 9,49-50). Theo gương và mang tinh thần bao dung của Chúa Giêsu, thánh Phaolô cho biết miễn là “Đức Kitô được rao giảng là tôi mừng” (Pl 1,17-18).

Sự bao dung cần được thực hiện hầu sinh ích cho những người đức tin còn yếu ớt: “anh em hãy đón nhận người yếu đức tin và đừng tranh luận với họ” (Rm 14,1). Nhưng phải xét theo đức ái (1Cr 8,8-13).

### HÔN NHÂN (mục đích) (CN 27 TN B – Mc 10,2-16)

“Người đàn ông sẽ lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình” (Mc 10,7)

Hôn nhân là một phần trong ý định của Thiên Chúa cho nhân loại ngay từ buổi tạo dựng và làm thành nền tảng cho gia đình, đơn vị căn bản của xã hội. Khi gia đình thịnh phát, thì đó là phúc lành cho đôi lứa và cho cả cộng đồng rộng lớn hơn.

Hôn nhân nằm trong ý định của Thiên Chúa ngay từ buổi tạo dựng (Mc 10,6 Mt 19,4 St 1,27). Người nam và người nữ không độc lập đối với nhau (1Cr 11,11-12). Có sự liên kết này là để họ sống khăng khít với nhau (St 2,23-24 Mt 19,5 Mc 10, 7-8 1Cr 7,2 Ep 5,31). Hôn nhân là một kết hợp trọn đời (Mc 10,9 Mt 19,6 Rm 7,2 1Cr 7,39). Hôn nhân nhằm trong bối cảnh được định liệu để nuôi dạy con cái (Mt 2,15 1Cr 7,14). Đời sau, hôn nhân sẽ không tồn tại nữa (Mc 12,25 Mt 22,30 Lc 20,34-35 1Cr 7,29-31).

Hôn nhân được coi như mối liên hệ thuộc giao ước (Mt 2,14 Cn 2,17 Ed 16,8). Tính dục dính liền với hôn nhân (1Cr 7,9 St 19,4). Người đàn ông hãm hiếp

trình nữ buộc phải cưới nàng (Xh 22,15-16 Đnl 22,28-29). Người phụ nữ buộc phải còn trinh khiết khi bước vào hôn nhân (Đnl 22,13-21). Quan hệ tính dục là độc hữu (Dc 2,16 Đnl 22,22-24). Bất trung bất tín trong hôn nhân thì bị kết tội (Cn 5,3-19 1Cr 6,16 7,3-5).

Tình yêu và sự tùng phục trong hôn nhân : Tình yêu đi trước hôn nhân. “vì cô Rakhen, Giacóp đã phục vụ bảy năm, nhưng đối với cậu chỉ như vài ngày vì cậu quá yêu cô” (St 29,20). Vì thế, có khi đã đi tới chỗ cưỡng hiếp mà sinh họa, chẳng hạn trường hợp Sikkem với Dina (St 34,1-31). Còn Mikhan, con vua Saulê, vì yêu Đavít mà được cha cô tác hợp cho (1Sm 18,20). Trong hôn nhân, “người làm chồng hãy yêu thương vợ mình” (Ep 5,25 St 24,67 : Isaac với Rebecca; 1Sm 1,5 : Eneana và Anna). Đôi khi phải yêu thương bất kể sự bất xứng của vợ (Hs 3,1-3). Khuôn mẫu cho một tình yêu như thế, chính là tình yêu của Chúa Kitô đối với Hội Thánh (Ep 5,28-29.33). Người vợ phải phục tùng chồng (St 3,16). “Người làm vợ hãy phục tùng chồng ... vì chồng là đầu của vợ, như Đức Kitô là đầu của Hội Thánh” (Ep 5,22-23 Cl 3,18 Tt 2,4-5 1Pr 3,1-6)

Việc sống độc thân là một ơn gọi của Thiên Chúa (1Cr 7,7-8 Gr 16,2 Mt 19,10-12). Thánh Phaolô truyền cho người chưa lập gia đình mà không được gọi, thì cứ cưới nhau (1Cr 7,36-38). Cũng thế, các bà góa có thể tái giá (1Tm 5,11-14).

### Làm MÔN ĐỆ Chúa và GIÁ phải trả (CN 28 TN B Mc 10,17-30)

“Hãy đi bán những gì anh có ... rồi hãy đến theo tôi” (Mc 10,21)

Cái giá phải trả để làm môn đệ Chúa là phải từ bỏ lợi lộc và ý muốn riêng, đồng thời phải đoạn kết thi hành ý Chúa dầu có phải chết đi nữa.

Để làm môn đệ Chúa, phải từ bỏ lợi lộc và ước muốn riêng : “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo” (Mc 8,34 Mt 16,24 Lc 9,23) “Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy” (Mt 10,38 Lc 14,27). Từ bỏ chính mình có nghĩa là không còn sống cho mình (Rm 14,7 2Cr 5,15 Gl 2,20 1Pr 4,2).

Với cái giá như vậy, người môn đệ phải cân nhắc kỹ, như khi xây nhà phải tính xem có hoàn thành được, hay khi giao chiến liệu có thắng nổi ? (Lc 14,28-32)

Môn đệ Chúa còn phải đoạn kết hoàn toàn vâng theo ý Chúa. Để được như vậy, phải “từ bỏ hết những gì mình có” (Lc 14,33). Thực tế “những gì xưa kia tôi cho là có lợi, thì nay, vì Đức Kitô, tôi cho là thiệt thòi ... so với mối lợi tuyệt vời, là được biết Đức Kitô Giêsu, Chúa của tôi” (Pl 3,7-8). Cần chống lại những bảo đảm trần thế (Mt 8,19-20 Lc 9,57-58) và đặt Chúa Giêsu Kitô vào hàng ưu tiên số một (Lc 9,59 -60 Mt 8,21-22 x. Mt 19,16-21 Mc 10,17-21 Lc 18,18-22) “để trong mọi sự, Người đứng hàng đầu (Cl 1,18). Sự liên kết với Chúa Giêsu Kitô phải vượt trên cả những ràng buộc gia đình (Lc 9, 61-62 14,26 Mt 40,37)

Theo Chúa phải trung thành, vững bền và liên tục “hằng ngày” (Lc 9,23)

Làm môn đệ Chúa Giêsu Kitô còn bao hàm cả sự bắt bớ phải chịu : “nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em” (Ga 15,20). Bị bách hại, hai ông



Phaolô và Barnaba xác tín : “chúng ta phải chịu nhiều đau khổ mới vào được Nước Thiên Chúa” (Cv 14,22). “Vả lại, những ai muốn sống đạo đức trong Đức Kitô Giêsu, đều sẽ bị bắt bớ” (2Tm 3,12)

Vậy, muốn làm môn đệ Chúa Giêsu, người ta còn phải nuôi ý chí sẵn sàng chịu khổ và chịu chết vì Chúa (Mt 10,38-39 14,24-25 Mc 8,34-35 Lc 9,23-24 Ga 12,25)

## CHÉN

(CN 29 TN B – Mc 10,35-45)

“Các anh có uống nổi chén Thầy sắp uống ?” (Mc 10,38)

Chén, bình để uống thường bằng gốm sứ, nhưng đôi khi, nhất là ở những nhà giàu thì bằng vàng hay bạc. Chén có thể dưới dạng ly rượu có chân hoặc không chân hay là dạng chén bát nông rộng để nhiều người có thể chia sẻ như dấu chỉ của tình thân. Từ chén cũng được dùng để chỉ phúc lành hoặc án phạt thần linh đối với cá nhân hoặc dân tộc.

Những trung dẫn tổng quát về chén dùng để uống như : Giêrêmia “đặt trước mặt con cháu nhà Rêkháp những bình đầy rượu với những chiếc ly” (Gr 35,5) bạn tù của Giuse có trong tay “chén của Pharaô” (St 40,11); Giuse truyền đặt chén bạc vào “bao lúa của đũa út” (St 44,2) nhìn rượu làm chi, rượu màu đỏ óng ánh trong ly ...) Cn 23,31); ca tụng người yêu chẳng ví “rôn em tựa chung rượu tròn chẳng bao giờ cạn” (Dc 7,2) Bensátxa định lấy những chén bằng vàng bằng bạc cướp từ đền thờ Giêrusalem để uống rượu (Dn 5,23); Chúa Giêsu hứa phần thưởng cho ai thương người nghèo, khi cho họ “dù chỉ một chén nước lã thôi” (Mt 10,42 Mc 9,41).

Các chén bằng vàng là dấu chỉ của sự giàu có : “Tất cả các chén để uống của Vua Salômon đều bằng vàng” (1V 10, 31 2Sb 9,20 Ed 1,7).

Chia sẻ cùng một chén là dấu chỉ của sự thân thiện (2Sm 12,3). Trong bữa tiệc ly biệt, Chúa Giêsu đã “cầm lấy chén rượu, dâng lời tạ ơn, rồi trao cho các ông, và tất cả đều uống chén này” (Mc 14,23 Mt 26,17 Lc 22,17) “Đây là chén Máu Thầy” (1Cr 11,25) Chúa Giêsu đã nói như thế. Như vậy, uống chén Thánh “là dự phần vào Máu Đức Kitô” (1Cr 10,16).

Chén biểu trưng những cuộc sống hủ bại : các kinh sư và các người Phariseu lo giữ các nghi thức lau rửa mà chểnh mảng việc thanh tẩy nội tâm (Mt 23,25-29 Lc 11,39) Babylon như người đàn bà “tay cầm một chén vàng đầy những thứ ghê tởm ... (Kh 17,4)

Chén phần nộ của Thiên Chúa mà :

- muôn dân phải uống (Gr 25,15-17 Tv 75,9 Gr 51,7 Dcr 12,2-3). Thiên Chúa thịnh nộ với Edom (Gr 49,12 Ac 4,22) với Babylon (Kb 2,19 Xh 16,19 18,6).
- Dân Chúa phải uống (Ed 23,32-34), nhưng sau cơn thịnh nộ, Thiên Chúa hứa tái thiết dân Ngài (Is 51,17tt)

Chúa Giêsu phải uống (Ga 18,11 x. Mt 20,22-23 Mc 10,38-39), chén thịnh nộ của Thiên Chúa chỉ có thể qua đi đối với nhân loại tội lỗi, nếu Chúa Giêsu uống vào (Mt 26,39-41 Mc 19,36 Lc 22,42)

## MÙ (tự nhiên)

(CN 30 TN B – Mc 10,46-52)

“Một người mù đang ngồi ăn xin bên vệ đường” (Mc 10,46)

Mù là tình trạng không thể nhìn thấy. Việc chữa lành bệnh mù lòa thể lý một trong nhiều những phép lạ Chúa Giêsu Kitô đã thực hiện. Thánh Kinh thường coi sự mù lòa như biểu tượng của người không thể là từ khước thực thi điều quan trọng thuộc về Chúa và Tin Mừng. Như thế việc chữa cho khỏi mù lòa được trình bày như biểu tượng của việc đạt tới đức tin.

Những nguyên do gây nên mù lòa có thể do tự nhiên (Xh 4,11), như Isaac vì cao niên (St 27,1) “cô Lêa mất lờ mờ” (St 29,17), Ông Êli “mắt đã mờ” (1Sm 3,2. 4,15), mù từ mới sinh (Ga 9,1-3), Thánh Phaolô bị ánh sáng chói lòa làm cho không còn trông thấy nữa (Cv 22,11). Có thể mù lòa là hậu quả do tội lỗi gây nên, như thành Sôđôma (St 19,11) hay như lời nguyện rửa của Môsê (Đnl 28,28-29), quân Aram bị mờ mắt theo lời Êlia xin (2V 6,18) người lành cầu cho ác nhân bị mù lòa (Tv 69,24), thánh Phaolô nguyện rửa và tên phù thủy ngăn trở việc loan báo tin mừng bị mù (Cv 13,9-11). Lòng ác độc của con người làm cho phải mù lòa, như quan Philithin móc mắt ông Samson (Tl 16,21), vua Babylon đâm mù mắt vua Xitkigiahah (2V 25,7 Gr 39,7 52,11).

Có những huấn lệnh dạy chăm sóc người mù : không được đặt chướng ngại cho họ vấp ngã (Lv 19,14), làm cho người mù lạc đường thì đáng bị nguyện rửa (Đn 27,18), phải giúp đỡ họ (G 29,15). Chính Chúa sẽ quy tụ họ về từ tận cùng cõi đất (Gr 31,8)

Chúa Giêsu quá ưu ái những người cùng khổ, khi dạy phải ân cần tiếp đón họ (Lc 14,13). Chính Thiên Chúa làm cho đui mù được thấy, khi Êlisa cầu xin cho đầy tớ của mình (2V 6,17), cho quân Aram (6,20). “Chúa mở mắt cho kẻ mù lòa” (Tv 146,8). Việc người mù được chữa lành, cũng với các lệnh khác là dấu chỉ ngày Giêrusalem toàn thắng (Is 35,5-6 61, 1tt). Chúa Giêsu Kitô chữa lành kẻ mù lòa (Lc 4,18) Hai người mù được sáng mắt (Mt 9,27-30). Người bị quỷ ám vừa mù lòa vừa câm đã thấy và nói được (Mt 12,22). Tại Giêrikhô (Mt 20,29-34 Mc 10,46-52 Lc 18,35-43) và tại Bétsaida (Mc 8,22-25) và tại Giêrusalem (Ga 9,6-7). Chúa Giêsu đã chữa lành cho kẻ mù lòa được thấy. Tại Đamas, thánh Phaolô được ông Amamas chữa lành để lại thấy được (Cv 9, 17-18).

Đui mù là biểu tượng của khiêm khuyết về luân lý (Lv 20,4 Đnl 16,19 1Sm 12,3 Cn 28,27 Mt 5,29 6,23 18,9 Lc 6,39), của phiền muộn (St 21,19 1Sm 2,33 G 17,7 Tv 6,8 31,10 38,11 88,10 Is 38,14) của sự bất lực nơi các ngẫu tượng (Tv 115,5 135,16)

## MỘT THIÊN CHÚA DUY NHẤT

(CN 31 TN B – Mc 12, 28b-34)

“Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất” (Mc 12,29b)  
Chỉ có Một Thiên Chúa duy nhất. Đây là đạo lý trọng yếu. Bởi đó chỉ có Ngài là Đấng phải được tôn thờ. Các thần minh và thần khác chẳng là gì. Thánh Kinh cũng cho thấy các mối quan hệ nội tại trong thần tính mà giáo lý dùng từ ngữ Ba Ngôi để diễn tả.

Dân Chúa được dạy cho biết : Nghe đây, hỡi Israel, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất” (Đnl 6,4) Chúa Giêsu nhắc lại (Mc 12,29) và thánh Phaolô cũng vậy (Ep 4,6 1Tm 2,5 x. Đnl 4,35 32,43 Nkm 9,6 Tv 86,10 83,19 Is 43,10 44,6 45,18 Mc 12, 29.32 Rm 3,30 1Cr 8,6 Gc 2,19)

Thiên Chúa là Chúa duy nhất, mà cũng “chẳng có thần nào giống như Ngài” (1V 8,23), “không ai sánh được như Ngài” (2Sm 7,22 1Sb 17,20 Tv 89,7 Is 40,18-25)

Chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng ta phải tôn thờ, “không được có thần nào khác” (Xh 20,3.5 Đnl 5,7-9 Gr 25,6). Chính Thiên Chúa căn dặn “Các người đừng bọc tượng thần bằng bạc mà đặt bên cạnh Ta và cũng đừng tạc tượng thần bằng vàng để tôn thờ” (Xh 20,23) “không được phủ phục trước một thần nào khác (34,14 x. Đnl 6,14 13,6-8 2V 17, 38 Tv 81, 9-10 Gr 1,16 19,4 35,15)

Chỉ một mình Thiên Chúa phải được phụng sự “hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực” (Mc 12,30 Mt 22,37 Đnl 6,5 13,4 1Sm 7,3 Mt 4,10 Lc 4,8 1Tx 1,9-10)

Các thần tượng khác chỉ là hư không, “chỉ là tác phẩm bằng gỗ đá do tay người phàm làm ra” (Is 37,19). “ngẫu tượng chẳng là gì trên thế gian” (1Cr 8,4). Vì vậy “đồ cúng là cúng cho ma quỷ, chứ không phải cho Thiên Chúa” (1Cr 10,19-20 Đnl 32,17 Tv 106, 33 Is 40,18-20 44,9-11 Cv 14,15 Gl 4,8)

Chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, nhưng trong một thần tính lại có liên kết đa phức. Trong Cựu Ước, sách Sáng thế ghi lại ý định của Thiên Chúa “chúng ta hãy làm ra con người giống hình ảnh chúng ta” (1,26). Cũng trong buổi đầu tạo dựng ấy “Thần Khí Chúa bay lượn trên mặt nước” (St 1,2) Thần Khí được coi như nhân viên của Thiên Chúa. Các thiên thần sứ giả của Thiên Chúa, được đồng hóa, dầu khác biệt với Thiên Chúa (Tl 13,20 Nkm 9,20 Tv 139,7 Is 6,8 63,10-14). Trong Tân Ước, sự đa phức đã được định rõ thành ngôi vị (Mt 28,19 2Cr 13,13 Mt 3,16-17 Ga 14,26 15,26 Cv 2,32-33 Ep 2,18 2Pr 1,2) là Cha, Con và Thánh Thần

## LÒNG QUẢNG ĐẠI CỦA CON NGƯỜI

(CN 32 TN B – Mc 12,38-44)

“Bà góa nghèo này đã bỏ vào thùng nhiều hơn ai hết” (Mc 12,43)

Người tín hữu cần quảng đại khi đối xử với tha nhân, theo mẫu gương của chính Thiên Chúa.

Động lực để quảng đại là chính mẫu gương của Thiên Chúa “Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta, đã có lòng quảng đại như thế nào, Người vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em ...” (2Cr 8,7-9 1Ga 3,16-18). “Như Thiên Chúa đã tha thứ cho anh em ... anh em hãy bắt chước Thiên Chúa ...”

Ep 4,32-5,2). Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy” (Mt 10,7-8 18,21-35).

Những biểu tỏ của lòng quảng đại :

- Khi trao tặng của cải vật chất, như cộng đoàn tín hữu đầu tiên “không một ai coi bất cứ gì mình có là của riêng ...” (Cv 4,32-35). Gặp người túng thiếu, phải “cho họ vay mượn tất cả những gì họ thiếu” (Đnl 15,7-8 Lv 25,35 Mt 5,42 19,21 2Cr 8,3 9,5).
- Khi góp phần hỗ trợ. Công trình của Thiên Chúa, như trợ giúp các tông đồ (Ep 4,16 Gl 6,6 1Tm 5,17-18) dân chúng quảng đại dâng cúng cho việc phục vụ nơi thánh (Xh 36,5 Ds 7,13-17 1Sb 28,14-18 29,9 2Sb 31,9-10). Chúa Giêsu đã chứng kiến sự quảng đại dâng cúng, cả nơi một góa phụ nghèo (Mc 12,41-44 Lc 21,1-4)
- Khi thờ kính Thiên Chúa, như người phụ nữ xúc dầu thơm cho Chúa Giêsu tại Bêtania (Mt 26,6-7 Mc 14,3-9 Ga 12,1-8 Xh 35,22 1V 3,4 8,63 2Sb 1,6 5,6 Er 6,9). Để thờ kính Chúa, còn phải đi tới chỗ quảng đại “hiên dâng thân mình làm của lễ sống động” (Rm 12,1-2 Pl 2,17)
- Khi thương xót người hoạn nạn (Lc 10,33-35 2V 6,22 2Sb 28,15)
- Khi trao quà tặng (1V10,13 Salomon cho nữ hoàng Sêva x. St 24,53 Isaac cho Rebecca; St 32,14-21 Giacob cho Êsau St 45,21-23 : Giuse cho các anh em, 2V5,5 Naaman cho vua Israel; 2V 8,9 vua Aram cho tiên tri Êlisêô).

Đối nghịch với lòng quảng đại là tính bần tiện và tham lam. Tiên tri Nathan đã ví vua Đavít bần tiện, khi vua cưới vợ Uria (2Sm 12,2-4) hay tiên tri Isaia đã nói về dân Israel và lễ dâng của họ (Is 43,23-24 x.thêm Mk 2,2 Mt 3,8-9). Dĩ nhiên phải coi chừng, phải giữ mình khỏi mọi thứ tham lam (Lc 12,15), vì không quảng đại là hẹp hòi với chính Thiên Chúa (Mt 25,45)

Lòng quảng đại sẽ được ân thưởng bằng “phúc lành dư dật” (Mt 3,10 Tv 37,25-27 Tl 2,5-9 Cn 11,24.25 22,9 Is 58,10). Khi chính Thiên Chúa ban ân thưởng thì lượng ân phúc sẽ lớn gấp bội (Lc 6,38 2Cr 9,6-9). Vì vậy, “chúng ta đừng nản chí” (Gl 6,9-10).

## HỖ SINH

(CÁC THÁNH TỬ ĐẠO VIỆT NAM B – Ga 12,20-32)

“Nếu hạt lúa mì gieo vào lòng đất mà không chết đi ...” (Ga 12,24)

“Giờ Con Người được tôn vinh” (Ga 12,32) là thời điểm Chúa Giêsu đợi chờ. Nhưng Người cũng ý thức được rằng đó là lúc Người phải hy sinh bỏ mình, là hạt lúa phải “chết đi mới sinh được nhiều hạt khác” (c.24). Hy sinh bỏ mình là hiến trao của cải cho tha nhân, là bỏ chính mình, kể cả chết đi, để phụng sự Thiên Chúa và tha nhân.

Hy sinh bỏ mình là chịu mất tiện nghi riêng vì người khác, như bà Ruth vì chồng (R 2,11) Giuđa vì em (St 44,33-34) tín hữu Do thái vì Chúa (Dt 10,34), Môsê vì dân Chúa (Dt 11,24-27).

Chúa Giêsu Kitô dạy người thanh niên giàu có : “hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo” (Mc 10,21 Mt 19,21 Lc 18,22 12,33). Thiên Chúa sẽ ban thưởng cho những ai biết cho đi của cải của mình (Mc 10,28-30 Mt 19,27-29 Lc 18,28-30). Hy sinh từ bỏ của cải mình là dấu chứng tỏ sức sống của Hội Thánh tại Giêrusalem (Cv 2,44-45) hay tại Macêđonia (2Cr 8,1-5).

Hy sinh bỏ mình là bỏ mọi sự để theo Chúa Giêsu Kitô. Đó là điều kiện để trở thành môn đệ Người (Lc 14,33 Mt 10,37 Lc 14,26) còn đòi phải bỏ “cha mẹ, vợ con, anh em, chị em và cả mạng sống mình”, nghĩa là phải yêu mến Chúa Giêsu Kitô hơn cả những người thân thuộc. Vì Người, “để được Đức Kitô”, người ta đành mất hết, như Phaolô (Pl 3,8), như Matthêu (Lc 5,27-28).

Hy sinh bỏ mình là hiến sự sống mình vì tha nhân theo nghĩa bóng. Môn đệ Chúa Giêsu Kitô phải hiến mình phục vụ tha nhân (Ga 12,24-25). “Ai không vác thập giá mình mà theo Thầy, thì không xứng với Thầy” (Mt 10,38 Lc 14,27 Mt 16,24-25 Mc 8,34-35 Lc 9,21-24 1Ga 3,16-18). Có những mẫu người đã sống như vậy, chẳng hạn thánh Phaolô (2Cr 4,10-11) “hằng bị cái chết đe dọa” (1Cr 9.19-23 15,30-31 2Cr 11,23-29 12,15).

Hy sinh bỏ mình là hiến sự sống mình vì tha nhân theo nghĩa đen, Chúa Giêsu Kitô báo trước cho các môn đệ biết phải sẵn sàng hiến mạng sống mình (Mt 10,21-22 Mc 13,12-13 Lc 21,16-17). Nhưng thí mạng sống mà không có tình yêu thì cũng chẳng có giá trị gì (1Cr 13,3). Thực tế, có những thiện chí sẵn sàng hiến mạng sống mình vì Chúa và vì tha nhân : như thánh Phaolô (Cv 20,23-24) ông Môsê (Xh 32,32), ba dũng sĩ của Đavít (1Sb 11,15-19), bà Esther (Et 4,14-16). Chính Chúa Giêsu (Mt 26,33) có những mẫu gương hiến thân để phụng sự Chúa : như Stêphanô (Cv 7,59-60), con gái ông Jephthe (Tl 11,36-38), chính Chúa Giêsu (Pl 2,5-8) và các chứng nhân (Dt 11,36-38).

## CHÚA GIÊSU KITÔ LÀ VUA

(ĐỨC GIÊSU KITÔ VUA VỮ TRỤ A – Ga 18,33b-37)

“Tôi là Vua” (Ga 18,37)

Chúa Giêsu Kitô là vua ngay từ lúc chào đời vì Người thuộc dòng họ vua Đavít. Dân chúng chối bỏ vương tước của Ngài, đã gào thét đòi phải đóng đinh Ngài vào thập giá. Nhưng Thiên Chúa đã tôn dương Ngài lên nơi đây quyền lực và uy phong. Vào thời sau cùng, Chúa Giêsu Kitô sẽ cai quản muôn dân đến muôn đời.

Chúa Giêsu thuộc dòng họ vua Đavít. Đấng Cứu Thế được mong đợi sẽ đến từ dòng họ này, và bản gia phả Tin Mừng theo thánh Matthêu (Mt 1,1-16) cho thấy các vua của dòng họ vương giả xuất phát từ vua Đavít (x.Mt 9,27 12,23 15,22 Lc 1,32-33 2,4 3,31). “Đức Kitô xuất thân từ dòng dõi vua Đavít và từ Belem” (Ga 7,42 Mt 2,3-6 Mk 5,2 Lc 2,15-16).

Chúa Giêsu được Nathanael nhìn nhận là vua (Ga 1,49). Cả các đạo sĩ (Mt 2,1-2), đám đông (Ga 6,15), Giaron tại Thexalonica (Cv 17,7) cũng nhìn nhận như vậy.

Chúa Giêsu Kitô đã từ khước vương quốc trần thế “ Nước Tôi không thuộc về thế gian này ...” (Ga 18,36 Mt 4,8-10 Lc 4,5-8). Người ta muốn tôn Chúa Giêsu làm vua “Người lại lánh mặt” (Ga 6,13) Chúa đã long trọng vào Giêrusalem như một vị vua (Mt 21,1-9), nhưng lại “khiêm tốn ngồi trên lưng lừa” (Dcr 9,9).

Vương vị của Chúa Giêsu là một bản án khi Ngài bị xét xử. Philatô chất vấn Ngài : “Ông là vua dân Do thái sao?” (Lc 23,2-3 Mt 21,11 Mc 15,2 Ga 18,33). Những lời nói đầu tiên của Philatô với Chúa Giêsu cũng là những lời trong các sách Tin Mừng. Chúa Giêsu xưng mình là vua thiêng liêng (Ga 18,36-37 Mt 26,11 Mc 15,2 Lc 23,3). Philatô kêu gọi dân chúng nhận Chúa Giêsu Kitô là vua của họ (Mc 15,9). Nhưng đám đông dân chúng từ khước (Mc 15,12-13 Ga 19,12-15). Người còn bị chế nhạo như vua (giả) (Mt 27,27-30 Mc 15,16-20 Ga 19,2-3).

Trên Thánh Giá, Chúa Giêsu Kitô được tuyên cáo là vua, với tấm bảng ghi “Giêsu Nagiarét, Vua dân Do Thái” (Ga 19,19-22 Mt 27,37 Mc 15,26 Lc 23,38). Lời đòi hỏi làm vua của Chúa Giêsu Kitô đã trở thành “tội ác” khiến Ngài bị xử tử.

Thiên Chúa đã tôn phong Chúa Giêsu Kitô vào đúng địa vị Quân vương : “Người lên ngự bên hữu Đấng Cao Cả trên trời” (Dt 1,3 8,1 12,2 Kh 5,6 7,17 22,1-3).

Là Vua, Chúa Giêsu Kitô tiếp nhận những ai tin vào vương quốc của Ngài (Lc 23,42-43 2Tm 4,18 Kh 3,20-21).

Chúa Giêsu Kitô là vua trên hết các vua. Ngài sẽ cai trị các dân, là Thủ lãnh mọi vương đế trần gian” (Kh 1-5 Tv 2,5 Đn 7,13 Mt 19,28 25,31-32 Rm 15,12 1Ga 15,25 Pl 2,9-10 Kh 12,5 17,14 19,11-16). Ngài sẽ là vua đến muôn đời (Kh 11,15 Is 9,7 Lc 1,33 Dt 1,8 Tv 45,6).